

Thánh Giáo yêu lý (Ed. rev. et
corr.)

I . Thánh Giáo yêu lý (Ed. rev. et corr.). 1931.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :

- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».

- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

[CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE](#)

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.

- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter utilisation.commerciale@bnf.fr.



HÀNH



IAO



YẾU LÝ

ÉDITION REVUE ET CORRIGÉE



IMPRIMERIE DE QUINHON
Quinhon (Annam)



4357

10

THE

LIBRARY

OF THE

UNIVERSITY OF

CHICAGO

HÀNH GIÁO

YẾU LÝ

ÉDITION REVUE ET CORRIGÉE



IMPRIMERIE DE QUINHON

QUINHON (Annam)

8° Indoch.
1357

IMPRIMATUR :

† A. TARDIEU.

VIC. AP.

Quinhon, 15 Février 1931.

IMPRIMERIE DE QUINHON

(Quinhon) (A. Tardieu)

THÁNH GIAO YÊU LÝ

Thiên Chúa nhứt thể tam vị,
đệ nhứt thiên.

1 — Hỏi — Có mấy đàng lên thiên đàng ?

THƯA. — Có một đàng rất chính rất thật,
là đạo thánh Đức Chúa Trời.

2 — H. — Đức Chúa Trời là ai ?

T. — Là đấng dựng nên trời đất muôn
vật.

3 — H. — Đ C T. lấy đi gì mà dựng nên
trời đất muôn vật ?

T. — Lấy phép tắc vô cùng.

4 — H. — Lấy phép tắc vô cùng nghĩa
là làm sao ?

T. — Nghĩa là bởi không, mà Người
phán một lời, tức thì liền có trời đất
muôn vật.

5 — H. — Vì ý nào mà Đ C T. dựng trời
đất muôn vật ?

T. — Có ý cho sáng danh Người, cùng
cho ta đặng dùng.

6 — H. — Thuở chưa có trời đất, Đ C T. ở đâu ?

T. — Trước sau cũng vậy, vì Người là tính thiêng liêng, chẳng lựa có nơi nào thì mới ở đấy.

7 — H. — Ai sinh ra ta ?

T. — Đ C T. sinh ra ta.

8 — H. — Đ C T. sinh ta làm chi ?

T. — Đ C T. sinh ta cho đặt thờ phượng kính mến Người, hầu ngày sau hưởng phước đời đời.

9 — H. — Đ C T. ra làm sao ?

T. — Đ C T. là đấng tròn tốt tròn lành, thiêng liêng sáng láng vô cùng.

10 — H. — Đ C T. ở đâu ?

T. — Đ C T. ở khắp mọi nơi.

11 — H. — Đ C T. ở khắp mọi nơi, làm sao ta xem chẳng thấy ?

T. — Vì Người là tính thiêng liêng, cho nên con mắt ta xem chẳng thấy.

12 — H. — Ta đã chẳng thấy Đ C T., mà Người có thấy ta, chẳng ?

T. — Người xem thấy to tướng, dầu

những sự kín nhiệm trong lòng ta, thì Người cũng soi thấu nữa.

13. — H. — Đ C T. mới có thuở nào?

T. — Người là đấng tự hữu, hằng có đời đời.

14 — H. — Có mấy Đ C T.?

T. — Có một Đ C T., mà Người có ba ngôi ; ngôi thứ nhất là Cha, ngôi thứ hai là Con, ngôi thứ ba là Thánh Thần.

15 — H. — Ngôi thứ nhất có phải là Chúa chẳng?

T. — Phải.

16 — H. — Ngôi thứ hai có phải là Chúa chẳng?

T. — Phải.

17 — H. — Ngôi thứ ba có phải là Chúa chẳng?

T. — Phải.

18 — H. — Nếu vậy, chẳng phải là ba Đức Chúa Trời sao?

T. — Chẳng phải, vì ba ngôi cũng một tính một phép, cho nên ba ngôi cũng một Chúa mà thôi.

19 — H. — Có ngôi nào lớn ngôi nào bé chẳng?

T. — Ba ngôi cũng bằng nhau, không lớn hơn trước sau.

20 — H. — Đ C T. đã sinh ra loài nào trọng hơn ?

T. — Đ C T. đã sinh ra hai loài trọng hơn, một là Thiên thần, hai là loài người ta.

21 — H. — Thiên thần là đẳng nào ?

T. — Thiên thần là đẳng thiêng liêng, Đức Chúa Trời dựng nên mà châu chực Người và hưởng phước đời đời.

22 — H. — Hết thấy các Thiên thần có đẳng hưởng phước đời đời chẳng ?

T. — Chẳng đẳng, vì có phần phạm tội kiêu ngạo, nên Đ C T. phạt nó trong hỏa ngục, gọi là ma quỷ.

23 — H. — Các Thiên thần đã giữ nghĩa cùng Chúa, bây giờ ở đâu ?

T. — Các đẳng ấy hưởng phước đời đời trên thiên đàng.

24 — H. — Các Thiên thần có giúp người ta chẳng ?

T. — Mỗi người có một Thiên thần

gìn giữ mình, nên ta phải tin cậy và tôn kính người lắm.

25 — H. — Tồ tông loài người ta là ai ?

T. — Tồ tông loài người ta là ông A-dong bà E-và.

26 — H. — Ông A-dong bà E-và có giữ nghĩa cùng Đ C T. chăng ?

T. — Chẳng giữ, cho nên nếu chẳng có công nghiệp Chúa Cứu thế, thì cả và loài người ta đã phải khốn nạn đời đời.



Giáng sanh cứu thế, đệ nhị thiên.

27 — H. — Ba ngôi, ngôi nào ra đời ?

T. — Ngôi thứ hai ra đời.

28 — H. — Ngôi thứ hai ra đời, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Chúa rất sang trọng vô cùng, lấy xác lấy linh hồn làm người hèn hạ như ta.

29 — H. — Ngôi thứ hai vốn phải là người chăng ?

T. — Vốn thật là Chúa, song khi ra đời thì cũng thật là người nữa.

30 — H. — Ngôi thứ nhất, ngôi thứ ba, có ra đời chăng ?

T. — Chẳng ; có một ngôi thứ hai ra đời mà thôi.

31 — H. — Ngôi thứ hai ra đời lấy xác, lấy linh hồn ở đâu làm người mà ra đời ?

T. — Người xuống thai trong lòng rất thánh Đức Bà Maria trọn đời đồng trinh.

32 — H. — Đức Bà trọn đời đồng trinh mà chịu thai làm sao đặng ?

T. — Chẳng phải là sự thường như người thế gian, song thật bởi phép Đ C T Thần ; cho nên khi chịu thai cùng sinh đẻ, hãy còn trọn mình đồng trinh sạch sẽ.

33 — H. — Ngôi thứ hai ra đời đặt tên là gì ?

T. — Đặt tên là Giêsu, nghĩa là Cứu thế.

34 — H. — Chúa Cứu thế làm những sự gì khi còn ở thế gian này ?

T. — Người dạy dỗ ta về đàng rồi linh hồn, và bởi công nghiệp Người, thì ta đặng nên thánh.

35 — H. — Công nghiệp Người là đi gì ?

T. — Là Người chịu nạn chịu chết trên cây thánh Giá vì tội loài người ta.

36 — H. — Người chịu chết ngày nào ?

T. — Người chịu chết ngày thứ sáu trước lễ Phục-sinh.

37 — H. — Đ C Giêsu là Đ C T. mà chịu chết làm sao đặng ?

T. — Đ C Giêsu có hai tính : một là tính Đ C T. chẳng hay chịu chết, hai là tính người ta mới hay chịu chết.

38 — H. — Xác Đ C Giêsu táng ở đâu ?

T. — Táng trong huyết đá mới.

39 — H. — Linh hồn Đ C Giêsu đi đâu ?

T. — Linh hồn Đ C Giêsu xuống ngục tổ tông đem linh hồn các thánh lên vì từ ông A-dong phạm tội, vì bằng không công nghiệp Chúa Cứu thế, thì chẳng ai đặng lên trời.

40 — H. — Chúa Cứu thế có sống lại chẳng ?

T. — Chết chẳng đủ ba ngày, mà Người sống lại.

41 — H. — Sống lại đoạn Đ C Giêsu đi đâu ?

T. — Song lại Người ở thế gian bốn mươi ngày, dạy dỗ các thánh Tông đồ, hầu mà giảng đạo cho thiên hạ ; đoạn thì Người ngự về trời, mà Đ C T Thần hiện xuống trên các thánh Tông đồ.

42 — H. — Bây giờ Đ C Giêsu ở đâu ?

T. — Luận về tính ĐCT., thì Người ở khắp mọi nơi ; bằng về tính người ta thì Người ở trên trời và ở trong thánh Thể bí tích.

43 — H. — Chúa Cứu thế có khi nào Người lại xuống thế nữa chăng ?

T. — Đến ngày tận thế, Người lại xuống phán xét chung cả và loài người ta.

44 — H. — Vậy, thì còn phán xét riêng nào nữa sao ?

T. — Mỗi người khi linh hồn ra khỏi xác, đều phải chịu phán xét riêng nữa.

45 — H. — Đã chịu phán xét riêng, còn phán xét chung làm chi nữa ?

T. — Ngõ cho quờn cả Chúa Cứu thế, và những sự vang hiển các kẻ lành, cùng mọi đều sỉ nhục phò loài dữ, càng tỏ ra trước mặt thiên hạ.



Từ kỳ hữu định, đệ tam thiên.

[46 — H. — Có khi nào ta phải chết chẳng ?

T. — Đến kỳ Chúa định, chúng ta đều phải chết.

47 — H. — Chết đoạn, xác ta ra thể nào ?

T. — Xác ta đều phải hư nát.

48 — H. — Xác ta có phải hư nát đời đời chẳng ?

T. — Chẳng ; đến ngày tận thế đều sống lại hết.

49 — H. — Linh hồn ta có chết chẳng ?

T. — Linh hồn là tính thiêng liêng, chẳng hề chết dạng.

50 — H. — Vậy, khi xác chết đoạn, linh hồn đi đâu ?

T. — Linh hồn phải đến toà Đ C Giêsu mà chịu phán xét ?

51 — H. — Đ C Giêsu phán xét về những sự gì ?

T. — Người phán xét về những sự lành dữ đã lo, đã nói, đã làm.

52 — H. — Phán xét đoạn linh hồn đi đâu ?

T. — Hoặc lên thiên đàng, hoặc xuống hoả ngục, hay là vào lửa luyện ngục mặc việc lành dữ đã làm, khi còn sống.

53 — H. — Thiên đàng là đi gì ?

T. — Thiên đàng là chốn Thiên thần các thánh hưởng phước đời đời, vì đang xem thấy Đ C T. luôn.

54 — H. — Những ai đang lên Thiên đàng ?

T. — Những kẻ chẳng hề phạm tội gì trọng, hay là phạm tội mà đã ăn năn tội nên.

55 — H. — Hoả ngục là chốn nào ?

T. — Là nơi hình khổ, Đ C T. phạt cầm ma quỷ, và kẻ có tội đời đời chẳng cùng.

56 — H. — Những ai phải sa hoả ngục ?

T. — Những kẻ chẳng nhìn biết Đ C T. mà thờ phượng bụt thần ma quỷ, cùng quải lạy đơm tế tổ tiên, đến chết chẳng toan trở lại, và mọi người có đạo còn mắc tội trọng, mà qua đời.

57 — H. — Luyện ngục là chốn nào ?

T. — Luyện ngục cũng là nơi hình khổ,

phạt cầm những kẻ lành khi còn sống mà đến tội mình chưa đủ.



Nhơn sanh tội chường, đệ tứ thiên.

58 — H. — Tội là đi gì ?

T. — Tội là những sự ngỗ nghịch cùng Đ C T.

59 — H. — Có mấy giống tội ?

T. — Có hai giống : một là tội tổ tông ; hai là tội mình làm.

60 — H. — Tội tổ tông là tội nào ?

T. — Tội tổ tông là ông A-dong, bà E-và chẳng vâng lời Đ C T. răn, cho nên phạm tội, mà truyền lại cho thiên hạ.

61 — H. — Tội mình làm, là tội nào ?

T. — Là lòng lo, miệng nói, mình làm đều gì mất lòng Đ C T.

62 — H. — Tội mình làm có mấy thể ?

T. — Có hai : một là tội trọng ; hai là tội nhẹ.

63 — H. — Tội trọng là đi gì ?

T. — Là tội làm cho ta nghịch cùng Chúa, và đáng chịu phạt đời đời.

64 — H. — Tội nhẹ là đi gì ?

T. — Là tội làm cho ta nguội lạnh, yếu đuối và đáng chịu phạt trong lửa luyện ngục.

65 — H. — Có mấy mỗi tội đầu ?

T. — Có bảy : một là kiêu ngạo ; hai là hà tiện ; ba là dâm dục ; bốn là ghen ghét ; năm là mê ăn uống ; sáu là hờn giận ; bảy là làm biếng việc lành.

66 — H. — Vì sao gọi là tội đầu ?

T. — Vì là căn nguyên mọi tội lỗi khác.

67 — H. — Tội kiêu ngạo là đi gì ?

T. — Là tội hay làm cho người ta yêu chuộng và tăng mình lên quá, cùng khinh dễ kẻ khác.

68 — H. — Tội ấy có phải tội trọng lắm chăng ?

T. — Nó là tội thứ nhất, và trọng hơn, cùng hiểm nghèo hơn các tội khác.

69 — H. — Phải làm đi gì cho khỏi tội ấy ?

T. — Phải cầu xin cùng Chúa ban ơn đức khiêm nhượng ; cùng nhớ lại kẻ kiêu ngạo chẳng đáng lên nước Thiên đàng.

70 — H. — Tội hà tiện là tội nào ?

T. — Là tội hay làm cho người ta mê tham của cải thế gian quá.

71 — H. — Người ta có năng phạm tội ấy chăng ?

T. — Dầu kẻ giàu, kẻ khó, cũng năng phạm tội ấy.

72 — H. — Phải làm thế nào cho khỏi tội ấy ?

T. — Phải lấy lòng rộng rãi mà bố thí cho vừa sức mình.

73 — H. — Tội dâm dục là gì ?

T. — Người ta mắc tội ấy, khi bởi sự tưởng ; hay là bởi lời nói ; hay là bởi việc làm, ưng vui theo tính hư xác thật. Song giáo huấn phải gồm ghiếc tội ấy, đến đôi chẳng dám nói đến tên nó.

74 — H. — Tội ghen ghét là thế nào ?

T. — Là tội hay làm cho người ta phân bì, cùng buồn bực, khi kẻ khác đang thanh lợi về phần hồn, hay là phần xác.

75 — H. — Phải làm đều gì cho khỏi tội ấy ?

T. — Phải giữ điều răn Chúa dạy : yêu người như mình vậy.

76 — H. — Tội mê ăn uống là làm sao ?

T. — Là khi người ta ăn uống quá lẽ, nhứt là những kẻ uống rượu say, thì trở nên loài vô tâm vô trí, cùng liều mình phạm nhiều tội khác.

77 — H. — Phải dùng cách nào cho khỏi tội ấy ?

T. — Phải hãm mình ăn uống cho tiết kiệm thích trung, cùng giữ lời ông thánh Phao-lô dạy rằng : dầu khi ăn, dầu khi uống, dầu khi làm sự gì khác, thì phải có ý làm cho sáng danh Chúa.

78 — H. — Tội hờn giận là làm sao ?

T. — Là khi người ta bởi tính nóng nảy trong lòng cùng bề ngoài, nên giận quá lẽ ; hay là muốn báo oán.

79 — H. — Phải làm điều gì cho khỏi tội ấy ?

T. — Là trong lời nói, việc làm, chớ khá theo tính nóng nảy ; một theo lẽ phải, cùng giữ sự nhịn nhục hiền lành.

80 — H. — Đứng bề trên quở trách cùng sửa phạt kẻ bề dưới, có tội chẳng ?

T. — Chẳng có tội, mà lại khi người có lẽ mà sửa phạt đặng, nếu chẳng sửa phạt thì mắc lỗi.

81 — H. — Tội làm biếng là tội nào ?

T. — Là tội hay làm cho người ta trễ nải, chẳng muốn chịu khó cho đặng rồi linh hồn, và làm các việc cho xứng bòn phận mình.

82 — H. — Có nhiều kẻ phạm tội ấy chẳng ?

T. — Nhiều người phạm tội ấy, mà có ít kẻ xét mình và lấy sự làm biếng là tội.

83 — H. — Có phải sợ tội ấy chẳng ?

T. — Phải sợ lắm, vì sự ở nhưng là cội rễ mọi sự dữ.



Về ơn nghĩa cùng Chúa.

Hỏi. — Khi nào ta có nghĩa cùng Chúa ?

T. — Khi ta sạch tội trọng, thì mới đáng nghĩa cùng Chúa.

H. — Có nghĩa cùng Chúa, đáng những ích gì ?

T. — Đáng năm ích trọng này :

— Một là đáng Chúa ngự trong linh hồn ta, cho ta làm con, cùng xưng Người là Cha. — Hai là đáng an lòng an trí, khoái lạc trong linh hồn. — Ba là đáng ơn thêm soi sáng giục lòng ta làm sự lành, lánh sự dữ. — Bốn là mọi việc lành ta làm, mới đáng công đáng thưởng đời đời. — Năm là rủi chết thành linh, chưa kịp chịu các phép sau hết, thì cũng chắc đáng rồi linh hồn.

H. — Khi nào ta mất nghĩa cùng Chúa ?

T. — Hễ khi phạm một tội trọng, tức thì liền mất nghĩa cùng Chúa.

H. — Mất nghĩa cùng Chúa, thì khổ nạn thế nào ?

T. — Khốn nạn thế này :

— Một là làm cho Chúa ra khỏi linh hồn ta, mà rước ma quỷ vào : cho nên mất chức làm con Chúa, mà hoá nên tội tá ma quỷ. — Hai là rối lòng rối trí, bị lương tâm rúc rĩa. — Ba là linh hồn ra tối tăm yếu đuối : chẳng còn ái mộ việc lành. — Bốn là mất hết mọi công nghiệp đã lập bấy lâu ; và việc lành ta làm đương khi còn mắc tội trọng, thì chẳng đáng thưởng trên thiên đàng. — Năm là mắc án phạt đời đời ; rủi chết khi còn mắc tội trọng làm vậy, thì phải sa hoả ngục khốn nạn vô cùng.

H. — Có mấy điều mới thành tội trọng, làm mất nghĩa Chúa ?

T. — Phải có ba sự này : — Một là phạm đến việc trọng trong luật cấm, hay là luật dạy. — Hai là vừa hiểu biết việc mình đương phạm là tội trọng. — Ba là ý mình thật ưng muốn phạm.

H. — Khi thấy lòng ta tư tưởng việc tội, mà ta hằng chống trả, chẳng chịu ưng theo chút nào, thì có tội gì chẳng ?

T. — Chẳng mắc tội, mà lại có công trước mặt Chúa.

H. — Khi đã muốn, đã nói, đã làm việc gì rồi, mới biết là tội, mới sợ, thì có tội gì chẳng ?

T. — Chẳng mắc tội ; vì hồi muốn, hồi nói, hồi làm, chưa biết là tội.

H. — Cứ mực nào cho biết việc gì là tội, cùng nặng nhẹ chừng nào ?

T. — Đương khi ta làm hay là bỏ việc gì, mà lòng ta lấy sự ấy làm tội, thì nó ra tội thật cho ta : lương tâm đoán nặng nhẹ chừng nào, thì nó ra nặng nhẹ cho ta chừng ấy.

H. — Khi sa cơ phạm tội rồi, phải làm thế nào ?

T. — Tức thì phải giục lòng ăn năn cách trợn, cùng đọc kinh ăn năn tội, mà xin Chúa thứ tha : đoạn khi nào có thể xưng tội được, thì phải xưng cho sớm.

H. — Phải làm đều gì, cho được lánh tội, hầu giữ nghĩa cùng Chúa ?

T. — Phải làm sáu sự này :

— Một là phải hết lòng sợ tội trọng, vì nó làm mất lòng Chúa, và hại linh hồn ta, như đã giải trước đây : nên thà chết, chẳng thà phạm tội. — Hai là phải thật lòng khiêm nhượng, chẳng nên cậy mình, vì bởi sức riêng ta yếu đuối, phải có ơn Chúa, mới thắng được ma quỷ, xác thịt, thế gian. — Ba là phải hết lòng tin cậy Chúa cùng Đức Mẹ, là đáng rất hơn lành, hay thương giúp ta cho khỏi phạm tội. — Bốn là khi bị cám dỗ phải chống trả tức thì, mà kêu xin Chúa cùng Đức Mẹ cứu chữa ta cho kịp. — Năm là siêng việc lành, tập hơn đức : nhứt là năng xưng tội, rước lễ. — Sáu là giữ ngũ quan cho nhặt, cùng xa lánh các dịp hiểm nghèo, hay làm cho ta phạm tội.



Thánh bí tích đệ ngũ thiên.

84 — H. — Bởi sức riêng ta có đặt rồi linh hồn chẳng ?

T. — Chẳng đặt, có ơn Chúa giúp thì mới đặt.

85 — H. — Ơn Chúa nghĩa là đi gì ?

T. — Nghĩa là sức thiêng liêng Đức Chúa Trời ban, vì công nghiệp Đ C G., cho ta đặt rồi linh hồn.

86 — H. — Ơn nào là ơn cần kíp cho ta đặt rồi linh hồn ?

T. — Là ơn soi trí khôn cho biết sự phải sự chẳng, cùng giục lòng làm sự lành, và lánh sự dữ.

87 — H. — Ta có từ chối ơn Chúa đặt chẳng ?

T. — Có nhiều lần ta từ chối ơn Chúa.

88 — H. — Đức Chúa Trời có ban ơn cho mọi người bằng nhau chẳng ?

T. — Đ C T. rất nhơn từ, công bình vô cùng, chẳng mắc nợ ai, Người muốn ban ơn thể nào, thì nên thể ấy.

89 — H. — Ta phải làm đi gì cho đặng ơn Đ C T. ?

T. — Phải chịu lấy các phép Bí tích, cùng siêng năng đọc kinh cầu nguyện.

90 — H. — Phép Bí tích là gì ?

T. — Là dấu nhiệm bề ngoài chỉ và làm ơn thiêng liêng bề trong, Đ C G. đã lập cho ta đặng nên thánh.

91 — H. — Có mấy Bí tích ?

T. — Có bảy : thứ nhất là phép Rửa tội ; thứ hai là phép Thêm sức ; thứ ba là phép Mình thánh Chúa ; thứ bốn là phép Giải tội ; thứ năm là phép Xức dầu thánh cho kẻ gần chết ; thứ sáu là phép Truyền chức thánh ; thứ bảy là phép Hôn phối.

92 — H. — Phép Rửa tội là đi gì ?

T. — Là phép làm cho ta khỏi tội tổ tông, và nên con Đức Chúa Trời cùng con Hội thánh.

93 — H. — Phép Rửa tội có tha tội mình làm chăng ?

T. — Những tội mình đã làm trước, thì khi chịu phép Rửa tội nên, đều đặng khỏi hết,

94 — H. — Kể chẳng chịu phép Rửa tội có đặng rồi linh hồn chẳng ?

T. — Chẳng ; có một khi muốn chịu, mà chẳng đặng, thì phải hết lòng ước ao, cùng yêu mến Chúa, hay là chịu tử vì đạo, thì mới đặng mà chớ.

95 — H. — Đặng chịu phép Rửa tội mấy lần ?

T. — Đặng chịu một lần mà thôi, vì phép ấy đã in một dấu thiêng liêng vào linh hồn, chẳng hay mất đặng.

96 — H. — Ai đặng làm phép Rửa tội ?

T. — Các hàng linh mục đặng làm mà thôi ; song khi thế gấp thì mọi người, dầu mà kẻ ngoại, làm theo ý Hội thánh, thì cũng đặng.

97 — H. — Phải rửa tội làm sao ?

T. — Phải lấy nước lã gội trên đầu kẻ chịu phép Rửa tội ; cũng một khi ấy đọc lời này rằng :

Tao rửa mày như danh Cha và Con và Thánh Thần.

98 — H. — Khi gội đầu chẳng đặng, thì phải làm thế nào ?

T. — Phải chọn nội mình nơi nào trọng hơn, thì phải giới đó.

99 — H. — Phép Thêm sức là đi gì ?

T. — Là phép làm cho ta dặng chịu ơn Đ C T T., cho dặng lòng vững vàng xưng đạo thánh Chúa ra trước mặt thiên hạ.

100 — H. — Kể chẳng chịu phép Thêm sức, có dặng rồi linh hồn chẳng ?

T. — Dặng ; song kể khinh hay là làm biếng chẳng muốn chịu, thì phạm tội, lại mất những ơn trọng bởi phép ấy mà ra.

101 — H. — Nên chịu phép này nhiều lần chẳng ?

T. — Chẳng nên, phải chịu một lần mà thôi, vì đã in vào linh hồn một dấu thiêng liêng, chẳng hay mất.

102 — H. — Ai muốn chịu phép này cho nên, phải làm đi gì ?

T. — Phải làm ba sự này : Một là thuộc biết những sự chính phải tin trong đạo. Hai là phải cho sạch mọi tội, ít Lũ là sạch các tội trọng. Ba là đọc kinh Tin, Cậy Kính mến, và có lòng ước ao cho dặng chịu phép ấy.

103 — H. — Ai còn mắc tội trọng mà chịu phép này có phạm tội chăng ?

T. — Phạm tội rất trọng, vì là phạm sự thánh.

104 — H. — Ai đặt làm phép Thêm sức ?

T. — Các hàng giám mục đặt làm mà thôi.



Thánh Thể đệ lục thiên.

105 — Hỏi — Phép Mình thánh Chúa nghĩa là đi gì ?

T. — Nghĩa là Mình thánh Máu thánh cùng linh hồn Đ C G. và tính Đ C T. ngự thật trong hình bánh rượu ?

106 — H. — Bao giờ bánh rượu trở nên Mình thánh Máu thánh Đ C G. ?

T. — Khi thấy làm lễ Mi-sa đến nửa mùa, mà đọc lời Chúa truyền đoạn, tức thì bánh cùng rượu trở nên Mình thật Máu thật Đ C G. ?

107 — H. — Trong hình bánh, thì toàn Mình thánh, mà trong hình rượu, thì toàn Máu thánh mà thôi sao ?

T. — **Chang phải ; dầu trong hình bánh hình rượu, cả và hai đều có trót Mình và Máu thánh Chúa nữa.**

108 — H. — **Khi phân rẽ hình bánh làm hai, có rẽ phân Mình thánh Chúa ra chẳng ?**

T. — **Chẳng ; rẽ phân hình bánh mà thôi, Mình thánh Chúa chẳng hề phân đặt ; dầu trong mọi phần nhỏ mọn, cũng có trót Mình cùng Máu thánh Người.**

109 — H. — **Đức Chúa Giêsu lập phép thánh Thể làm chi ?**

T. — **Trước là có ý cho ta đặt nhớ công ơn Người đã chuộc tội chịu chết vì ta, sau là nên lương thực thiêng liêng, cho đặt nuôi linh hồn ta nữa.**

110 — H. — **Đ C Giêsu đã lập phép này bao giờ ?**

T. — **Đã lập chung ngày thứ năm trước khi Người chịu nạn.**

111 — H. — **Kẻ muốn chịu Mình thánh Chúa cho nên, thì phải làm thể nào ?**

T. — **Phải dọn linh hồn và xác.**

112 — H. — **Dọn linh hồn là làm sao ?**

T. — Phải xét mình, bằng có phạm tội gì, thì phải ăn năn cùng xưng tội ấy, và có lòng tin, cậy, kính mến, khiêm nhượng, ước ao cùng tạ ơn.

113 — H. — Kẻ còn mắc tội trọng mà chịu lễ, có rước thật Mình thánh Máu thánh Chúa chăng ?

T. — Rước thật ; song le những kẻ ấy, thật là rước hình phạt cho mình, vì là phạm sự thánh.

114 — H. — Phải dọn xác là thế nào ?

T. — Phải giữ lòng chay sạch, từ nửa đêm cho đến khi chịu lễ, chẳng nên ăn uống vật gì, phải ăn mặc nết na tề chỉnh, và lòng tôn kính khiêm nhượng quì gối mà rước Mình thánh Chúa.

115 — H. — Ta phải ước ao năng chịu Mình Chúa chăng ?

T. — Ta phải ước ao luôn ; càng năng chịu bao nhiêu, thì càng đặng ích bấy nhiêu.

116 — H. — Đặng những ích nào ?

T. — Một là ta đặng hiệp làm một cùng Chúa ; hai là thêm ơn trọng Chúa

trong ta ; ba là bớt những tình tư dục ; bốn là cho ta đăng dấu thật ngày sau sẽ hưởng phúc đời đời.

117 — H. — Lễ Mi-sa là lễ nào ?

T. — Là lễ dâng Mình thánh Máu thánh Đ C Giêsu trong hình bánh rượu, mà tế lễ Đ C T., như xưa Chúa đã dâng Mình trên cây thánh Giá cho Đ C. Cha.

118 — H. — Ấy vậy thì lễ Mi-sa cũng là một lễ, như xưa Chúa đã dâng Mình trên cây thánh Giá sao ?

T. — Cũng thật là một lễ ; song khác hai sự này ; vì xưa, thì Chúa dâng mình Người ; mà nay, thì bởi tay các hàng đặc đức ; lại xưa Máu Người đổ ra, mà bây giờ, chẳng còn đổ ra nữa.

119 — H. — Trong Hội thánh có ý gì mà dâng lễ Mi-sa ?

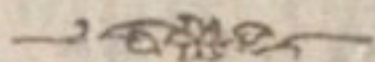
T. — Có bốn ý này : một là nhìn biết Đ C T. là Chúa cao trọng trên hết mọi sự ; hai là cho đăng tha hết mọi tội lỗi ta ; ba là xin cho ta đăng mọi sự lành ; bốn là tạ ơn Người vì mọi ơn lành đã xuống cho ta xưa nay.

120 — H. — Có nên dâng lễ Mi-sa mà tế lễ Đức Bà cùng các thánh chẳng?

T. — Chẳng nên, vì sự tế lễ, là thuộc về một Đ C T. mà thôi.

121 — H. — Những ai dâng hưởng công ơn bởi lễ Mi-sa mà ra?

T. — Kẻ sống và kẻ chết đều dâng hưởng nhờ.



Cáo giải đệ thất thiên.

122 — Hỏi. — Phép Giải tội là đi gì?

T. — Là phép tha tội cho những kẻ đã phạm, từ khi rửa tội về sau.

123 — H. — Phép Giải tội có phải là sự cần cấp cho đang rồi linh hồn chẳng?

T. — Là sự rất cần cấp cho những kẻ đã phạm tội trọng, từ rửa tội về sau.

124 — H. — Phép Giải tội có mấy phần?

T. — Có ba phần : một là ăn năn tội ; hai là xưng tội ; ba là ý muốn đền tội.

125 — H. — Ăn năn tội là đi gì?

T. — Là lo buồn đau đớn về mọi tội đã phạm và dổc lòng chừa, chẳng hề phạm tội ấy nữa.

126 — H. — Ăn năn tội có mấy cách ?

T. — Có hai cách : một là ăn năn tội vì Chúa : hai là ăn năn tội vì mình.

127 — H. — Ăn năn tội vì Chúa, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là đau đớn về mọi tội lỗi đã mất lòng Chúa rất hơn từ, và tốt lành vô cùng.

128 — H. — Ai ăn năn tội vì Chúa, cóặng ích gì chẳng ?

T. — Những kẻ ấy dầu chưaặng xưng tội, miễn là có lòng muốn xưng tội, thì đã khỏi tội, mà lạiặng nghĩa cùng Chúa.

129 — H. — Ăn năn tội vì mình là làm sao ?

T. — Là lo buồn đau đớn bởi xấu hổ vì tội, cùng e mất nước thiên đàng, hay là sợ hình khổ hoả ngục vô cùng.

130 — H. — Ai ăn năn tội cách này cóặng nghĩa cùng Chúa chẳng ?

T. — Chẳng ; vì bằng có chịu phép Giải tội, thì mới đặng.

131 — H. — Ăn năn tội nên có mấy ý ?

T. — Có bốn ý ; một là cậy sức Chúa giục lòng mà ăn năn tội ; hai là đau đớn trong lòng vì đã phạm tội, chẳng phải lo buồn bề ngoài mà thôi ; ba là giận ghét mọi tội mình chẳng sót tội nào ; bốn là đau đớn tội mình hơn lo tiếc mọi sự thế gian.

132 — H. — Ăn năn tội cậy sức Chúa là làm sao ?

T. — Là khi bởi ơn Đ C T Thần giục lòng mà ta ăn năn tội.

133 — H. — Kể ăn năn tội bởi mắc phải tai vạ gì, như mất của cải hay là liệt lao mà lo buồn đau đớn, có phải là cậy sức Chúa chẳng ?

T. — Chẳng phải ; vì ăn năn thể ấy là theo tính xác thịt mà thôi.

134 — H. — Ăn năn vì mọi tội là gì ?

T. — Là đau đớn về mọi tội lỗi ; nếu mà có một tội nào mà chẳng lo buồn đến, thì chẳng gọi là ăn năn tội nên.

135 — H. — Đau đớn tội mình hơn lo tiếc mọi sự, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là ăn năn đau đớn, vì đã làm mất lòng Chúa, hơn là mắc phải tai nạn, hay là đã mất mọi giống châu báu ta yêu chuộng ở đây.

136 — H. — Có mấy thể giục lòng ta ăn năn tội ?

T. — Có hai : một là nài xin cùng Chúa cho ta đừng lòng đau đớn thật ; hai là phải tìm một hai cách gì cho đừng giục lòng ta.

137 — H. — Những cách thế nào ?

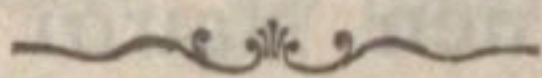
T. — Như thể là suy tưởng Chúa rất nhơn từ, hằng xuống ơn cho ta không ngăn, mà ta phụ nghĩa cùng Người dưỡng ấy ; hay là tưởng công nghiệp Đ C G. bởi tội ta, nên Người đã đổ hết máu mình ra, cùng là suy gẫm : bởi tội thì đã đáng sa hoả ngục mà chịu hình khổ đời đời, lại mất sự vui vẻ thiên đàng chẳng cùng.

138 — H. — Có dấu nào cho ta đừng biết thật ta đã ăn năn tội nên chẳng ?

T. — Có hai dấu này : một là khi thấy ta đã chữa, và có lòng ghét bỏ tội thật ; hai là xa lánh mọi cách thế quen làm cho ta phạm tội.

139 — H. — Phải đọc kinh ăn năn tội thế nào ?

T. — Lạy Chúa tôi, Chúa là đấng trọn tốt trọn lành vô cùng, Chúa đã dựng nên tôi và cho con Chúa ra đời chịu nạn chịu chết vì tôi, mà tôi đã cả lòng phản nghịch lỗi nghĩa cùng Chúa, thì tôi lo buồn đau đớn cùng chê ghét mọi tội tôi trên hết mọi sự ; tôi dốc lòng chữa cải, và nhờ ơn Chúa, thì tôi sẽ lánh xa dịp tội, cùng làm việc đền tội cho xứng. Amen.



Cáo minh bổ thực đệ bát thiên

140 — H. — Xưng tội là làm sao ?

T. — Là tỏ mọi tội lỗi ta cùng hàng linh mục.

141 — H. — Đương khi xưng tội phải có lòng thề nào ?

T. — Phải có lòng khiêm nhượng, thật thà, mà tỏ cáo mọi tội lỗi mình.

142 — H. — Khiêm nhượng là làm sao ?

T. — Là khi tỏ tội mình, thì có lòng xấu hổ thẹn thuồng, vì đã làm mất lòng Chúa.

143 — H. — Lòng thật thà là làm sao ?

T. — Là khi xét biết tội thề nào, thì xưng ngay thề ấy, chẳng nên thêm bớt.

144 — H. — Xưng mọi tội nghĩa là gì ?

T. — Nghĩa là phải xưng mọi tội trọng chẳng giấu tội nào.

145 — H. — Kẻ có ý giấu một tội trọng mà thôi, có phạm tội chẳng ?

T. — Phạm tội trọng, vì phạm sự thánh. Nên sau khi xưng tội, trước phải xưng tội phạm sự thánh này, sau phải xưng lại mọi tội đã xưng phen ấy.

146 — H. — Ta xưng tròng mọi tội mà thôi, có đủ chẳng ?

T. — Chẳng đủ ; giả như tội ăn trộm, mà xưng tròng rằng : tôi đã ăn trộm,

thì chưa đủ : song phải xưng ăn trộm đã mấy lần, mà vật ấy là bao nhiêu, hay là của thánh ; dầu các tội khác cũng vậy.

147 — H. — Làm cách nào cho đăng biết mọi tội lỗi mà xưng ?

T. — Phải xét theo đấng bậc mình : hoặc lo, nói, làm đều gì phạm điều răn Chúa cùng Hội thánh và bày mỗi tội đầu.

148 — H. — Ta phải xưng mọi tội nhẹ chẳng ?

T. — Bằng chẳng xưng, thì chẳng phạm tội gì ; song mà xưng, cùng có lòng đau đớn, thì rất nên có ích.

149 — H. — Đền tội là làm sao ?

T. — Là làm những sự thấy giải tội dạy, cùng những việc theo ý ta mà đền tội, như thể ăn chay, cầu nguyện, hay là thí của cho kẻ khó khăn, cùng việc khác như vậy.

150 — H. — Chịu những sự tai nạn, nhọc nhằn, như cơn buồn rầu, bệnh hoạn, cùng đều khác như vậy, có đăng đền vì tội ta chẳng ?

T. — Ví bằng có ý chịu vì lòng kính mến Chúa, hay là đền vì tội, thì cũng đáng.

151 — H. — Bằng đã làm mất lòng ai, có phải phạt tạ kẻ ấy chăng ?

T. — Chẳng những là phạt tạ mà thôi ; song nhà ấy có chịu thiệt hại đều gì, dầu của dầu công, cũng phải thương lại nữa.

152 — H. — Kẻ đã xưng tội nên, cùng đã chịu phép Giải tội, thì đã khỏi tội, mà còn phải đền tội làm chi ?

T. — Đã hay rằng : kẻ chịu phép ấy nên, thì đã khỏi tội, cùng hình phạt đời đời, song còn hình phạt tạm nữa, nên phải đền mới khỏi. Ví như trong quốc pháp, ai đã mắc tội tử luận, dầu triều đình tha giết mặc lòng, song cũng phải đái tội lập công.

153 — H. — Phần phạt tạm phải đền ở đâu ?

T. — Phải đền ở đời này, hay là trong lửa luyện ngục.

154 — H. — Còn có cách nào cho khỏi phần phạt tạm ấy chăng ?

T. — Có phép đại xá cùng ân xá.

155 — H. — Đại-xá là gì ?

T. — Là phép tha hết mọi phần phạt tạm.

156 — H. — Ân xá là gì ?

T. — Là phép tha một hai phần mà thôi.

157 — H. — Ai có quyền ban phép đại xá cùng ân xá ?

T. — Có một Hội thánh mà thôi.

158 — H. — Ta phải làm thế nào mà chịu ơn ấy cho nên ?

T. — Phải thật lòng ăn năn tội, cùng làm mọi việc như thể thức truyền.



**Chung phú, thần phẩm, hôn phối
đệ cửu thiên.**

159 — H. — Phép Xức dầu thánh cho kẻ gần chết là đi gì ?

T. — Là phép giúp đỡ kẻ liệt về phần linh hồn, cũng có khi về phần xác nữa.

160 — H. — Kể chịu phép này đặng những ích gì ?

T. — Đặng ba đều ích này : Một là đặng vững vàng chẳng sợ chết, cùng chước ma quỷ ; hai là khỏi mọi tội nhẹ và tội trọng, hoặc là đã quên, hay là bởi cơn bệnh mà xưng chẳng đặng ; ba là khi có ích phần linh hồn, thì cũng đặng khoẻ mạnh phần xác nữa.

161 — H. — Có nên chờ khi hấp hối mà chịu phép này chăng ?

T. — Chẳng nên ; song khi thể ngặt, thì phải tính việc ấy.

162 — H. — Phép Truyền chức thánh là phép nào ?

T. — Là phép phong chức cho các hàng linh mục đặng quờn tế lễ Đức Chúa Trời, và giúp việc Hội thánh, lại đặng ơn Chúa, mà làm những việc ấy cho nên.

163 — H. — Phép Hôn phối là đi gì ?

T. — Là phép nhứt phu nhứt phụ, phối hiệp cùng nhau, theo ý Chúa định, mà truyền nòi loài, cùng giúp đỡ nhau

làm việc lành mà giữ đạo Đ C T., cho
đặng nên thánh.

164 — H. — Có nên cưới nhiều vợ
chăng ?

T. — Chẳng nên ; vì thuở tạo thiên lập
địa, Đ C T. đã sinh một nam một nữ, để
phối hiệp cùng nhau, mà sinh loài người
ta ; ấy là phép nhứt phu nhứt phụ, đâu
khá tư tình, mà cải ý Chúa định.

165 — H. — Như đờn ông có vợ mà
không sinh con, có nên cưới vợ khác cho
đặng con chăng ?

T. — Chẳng nên ; giả như chồng rằng :
không con, mà cưới vợ khác, thì vợ cũng
rằng : không con, mà lấy chồng khác,
thì lẽ ấy làm sao ? Ví bằng vợ chẳng khá
hai chồng, thì chồng cũng chẳng nên
hai vợ.

166 — H. — Còn có lẽ nào nữa chăng ?

T. — Còn nhiều lẽ khác ; một là trong
đạo phu phụ, thì phải giữ tín ngãi làm
đầu, như chẳng toàn nhứt phụ nhứt phu,
sao cho đặng trọn niềm tín nghĩa ? Hai
là phu phụ hoà, thì gia đạo thành, bằng

chồng rày vợ nọ mai vợ kia, sao cho
đặng một lòng hoà thuận ? Ba là cưới
vợ mà sinh con cái, thật là đồng khí liên
chi, bằng cưới nhiều vợ, hoặc là phân
dòng nọ dòng kia, sao cho đặng vẹn
tình hiếu để ?

167 — H. — Kể không con mà cứ nhưt
phu nhưt phụ, ắt là tuyệt tự; chớ câu: BẤT
HIẾU HỮU TAM, VÔ HẬU VI ĐẠI, lẽ ấy làm
sao ?

T. — Có con cùng không, vốn chẳng
tại ta, một tại ý Chúa phân định mà thôi ;
vả sự thảo cùng không, cùng chẳng tại
có con, hay là không con, một tại giữ
phụ mẫu đồng tâm đồng đức phụng
dưỡng cung kính, vâng chính mạng cha
mẹ sở định,, ấy là thật hiếu mà chớ. Như
câu : VÔ HẬU VI ĐẠI, là lời Mạnh-tử nói
chữa vua Thuấn cho khỏi chữ bất hiếu
mà thôi ; chẳng nên lấy lời ấy mà nghịch
mạng Đ C T. làm chi.

168 — H. — Ai muốn chịu phép Hôn
phối cho nên, phải làm thế nào ?

T. — Trước hết phải có lòng thờ

phượng Chúa chẳng phải một tưởng việc phần xác mà thôi, lại phải giữ mình cho thanh sạch, đừng có tội gì trọng.

169 — H. — Có ý thờ phượng Chúa là làm sao ?

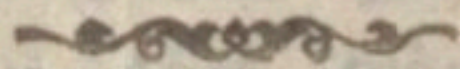
T. — Là phải giữ tín ngãi, và nhịn nhục nhau mọi khi lầm lỗi, và giúp đỡ nhau cho thương hoà hạ mực, sau dầu có sinh con cái, thì phải năng dạy dỗ răn khuyên.

170 — H. — Phải dạy răn con cái là làm sao ?

T. — Một là phải tập tành nó. mến yêu Chúa hết lòng, cùng chê ghét mọi đàng tội lỗi ; hai là phải ra công dạy dỗ cho thuộc biết những sự phải tin trong đạo thánh ; ba là giữ gìn xem sóc, kéo nó làm sự gì chẳng nên chẳng.

171 — H. — Kẻ có vợ chồng cùng kẻ đồng trinh ai hơn ?

T. — Kẻ đồng trinh hơn, vì kẻ không lo vợ chồng, một khí tục tinh tu, thì phước đức càng cao càng trọng, lại càng gần Chúa hơn nữa.



Thập giải đệ thập thiên.

172 — H. — Phải làm đi gì cho đặng rồi linh hồn ?

T. — Phải giữ mười Giải răn Đ C T. cùng sáu Điều răn Hội thánh.

173 — H. — Mười giải là những điều nào ?

T. — Thứ nhứt, là thờ phượng một Đ C T, và kính mến Người trên hết mọi sự.

Thứ hai, chớ kêu tên Đ C T. vô cớ.

Thứ ba, giữ ngày Chúa nhật.

Thứ bốn, thảo kính cha mẹ.

Thứ năm, chớ giết người.

Thứ sáu, chớ làm sự dâm dục.

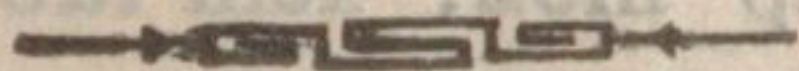
Thứ bảy, chớ lấy của người.

Thứ tám, chớ làm chứng dối.

Thứ chín, chớ muốn vợ chồng người.

Thứ mười, chớ tham của người.

Trước mười sự răn tóm về hai này mà chớ : trước kính mến một Đ C T. trên hết mọi sự, sau lại yêu người như mình ta vậy.



GIẢI THỨ NHỨT.

174 — H. — Giải thứ nhất dạy những sự gì ?

T. — Dạy thờ phượng một Đức Chúa Trời, và tin, cậy, kính mến Người trên hết mọi sự.

175 — H. — Nên thờ các thánh bằng Chúa chăng ?

T. — Chẳng nên, vì ta thờ các thánh là tội ngay con thảo Chúa mà thôi.

176 — H. — Vậy, thì sao hằng cầu nguyện cùng các thánh ?

T. — Cho các thánh cầu thay nguyện giúp cùng Chúa cho taặng mọi sự lành.

177 — H. — Những điều nào nghịch cùng sự kính chuộng Đ C T. ?

T. — Có ba điều này : một là thờ phượng ma quỷ bực thần ; hai là khinh dể của thánh ; ba là tin cậy dị đoan.

178 — H. — Dị đoan là đi gì ?

T. — Là những sự đơm tể, quải lay ông bà cha mẹ : tin bói khoa, nhảm độn, cậy phù thủy pháp môn, xem tướng mạo ;

chọn ngày giờ ; kỳ yên chạp miếu ; lên đồng xuống đồng : thờ tiên sư ; thờ công thờ chủ ; đặt bài vị, lên nêu, buộc trang, cầu địa lý ; đốt giấy tiền vàng bạc ; khi chiêm bao mộng huyền, gặp đờn ông đờn bà bàn luận tốt xấu ; cùng là tin chim kêu gà gáy, chuột tức nhiên sa, rằng thiêu, rằng thính, và mọi điều khác như vậy.

179 — H. — Có mấy cách nghịch cùng đức tin ?

T. — Có bốn cách này : một là cứng lòng chẳng tin mọi sự như Hội thánh đã truyền, như kẻ ngoại cùng quân lạc đạo ; hai là kẻ có đạo bởi sợ phép quan, cùng hình phạt, hay là hồ thẹn mà chối đạo, tùy thì theo thói thế gian ; ba là kẻ cố ý hồ nghi sự gì trong phép đạo ; bốn là làm biếng chẳng muốn học những sự phải biết cho đặng rồi linh hồn.

180 — H. — Những sự phải biết cho đặng rồi linh hồn, là những sự nào ?

T. — Một là phải biết sự mẫu nhiệm một Đ C T. ba ngôi, cùng Chúa Cứu thế ra đời và chuộc tội cho thiên hạ ; hai là đến

ngày tận thế, cả và loài người ta đều thì sống lại mà chịu thưởng hay là chịu phạt đời đời ; ba là phải biết kinh Tin, kinh Cây, kinh Kinh mến, kinh Lạy Cha, mười G ái răn Đ C T., cùng sáu Điều Hội thánh, và những điều thuộc về Bí tích, cùng những việc theo đẳng bậc mình.

181 — H. — Có sự gì nghịch cùng đức Cây chẳng ?

T. — Có hai sự này : một là ngã lòng rún chí, chẳng làm việc đến tội ; hai là cây lòng lạnh Chúa, cùng sức mình thối quá, nên lần lửa chẳng kịp toan trở lại.

182 — H. — Có sự gì nghịch cùng đức Kinh mến chẳng ?

T. — Những việc chồm ố công danh lợi lộc, cùng là dâm dục sa đà.

183 — H. — Ta phải yêu người ta chẳng ?

T. — Phải yêu hết mọi người ; vì Đ C G. đã dạy : trước kính chuộng một Đ C T. trên hết mọi sự, sau lại yêu người như mình vậy.

184 — H. — Có phải yêu kẻ nghịch cùng ta chẳng ?

T. — Phải yêu, vì Đ C G. đã dạy rằng :
bay phải yêu kẻ ghét bay, và làm ơn cho
kẻ làm khốn bay.

GIẢI THỨ HAI

185 — H. — Giải thứ hai cấm những sự
gì ?

T. — Cấm ba sự này : một là thề quấy ;
hai là nói lộng ngôn ; ba là rửa mình,
hay là kẻ khác.

186 — H. — Thề quấy là làm sao ?

T. — Là thề dối, thề vật, cùng thề mà
làm sự chẳng nên.

187 — H. — Kẻ đã thề mà làm sự chẳng
nên, có phải giữ lời thề chẳng ?

T — Chẳng, vì kẻ thề làm vậy, thì đã
phạm tội, bằng giữ lời thề thì lại phạm
tội khác nữa.

188 — H. — Có khi nào nên thề
chẳng ?

T. — Khi có việc gì trọng, mà kẻ bề trên
bắt thề ; thì nên lấy tên Đ C T. mà thề.

189 — H. — Có nên lấy tên bụi thần ma quỷ mà thề chẳng ?

T. — Chẳng nên.

GIẢI THỨ BA

190 — H. — Giải thứ ba dạy những điều gì ?

T. — Dạy ta phải giữ mọi ngày Chúa nhật.

191 — H. — Giữ ngày Chúa nhật là làm sao ?

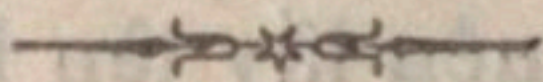
T. — Là những ngày ấy phải có ý mà xem lễ, và làm việc phước đức.

192 — H. — Ngày Chúa nhật nên làm việc xác chẳng ?

T. — Chẳng có điều gì cần cấp, thì chẳng nên.

193 — H. — Khi chẳng cần cấp, có nên sai khiến tôi tớ làm việc xác trong ngày ấy chẳng ?

T. — Chẳng nên.



GIẢI THỨ BỐN.

194 — H. — Giải thứ bốn dạy những sự gì ?

T. — Dạy thảo kính, vâng lời chịu lụy, cùng giúp đỡ cha mẹ.

195 — H. — Thảo kính cha mẹ phải làm thế nào ?

T. — Trước là cầu xin cho người đặng sống lâu sức khỏe, sau là ở cho hoà nhã khiêm nhượng, chẳng nên ngỗ nghịch dề duôi, chớ khá làm cho người rầu rĩ ; hễ tử vị phụ ần, chẳng nên đàm tiếu sự lỗi gì người.

196 — H. — Vâng lời chịu lụy là làm sao ?

T. — Là cha mẹ dạy khuyên sai khiến, chẳng nên trách móc phản nản, chớ khá bỏ nhà cha mẹ mà đi ác nghiệp chơi bời, cùng khi phối thất hơn đươn, phải vâng thuận lịnh người phân định ; lại dầu khi cố mạng, người có trời phú đều gì, thì khá vui lòng noi giữ.

197 — H. — Giúp đỡ cha mẹ là làm sao ?

T. — Là cha mẹ khó khăn già cả, phải

dưỡng nuôi sớm viếng tối thăm, chẳng nên kể công nọ ngãi kia, vì đã dày ngày chịu khó ; còn của người chẳng nên xới bớt ; khi liệt lão phải chạy thuốc thang ; thuở mạng một trợ phần tổng táng, cùng cầu hồn gọi lễ cho người.

198 — H. — Nên quải lạy đơm tế ông bà cha mẹ đã qua đời chẳng ?

T. — Chẳng nên, vì là nghịch cùng phép đạo, lại thêm trái thừa lễ hăng.

199 — H. — Vì sao nghịch cùng phép đạo ?

T. — Vì đạo thánh dạy : kẻ chết chẳng hay ăn uống, cũng chẳng đặt xuống ơn phù hộ cho ai, mà lại ước ao cho kẻ còn sống giúp lời cầu nguyện, xin Chúa tha tội lỗi cho mình.

200 — H. — Sao mà gọi rằng : trái lễ ?

T. — Vì của phải dùng mà chẳng muốn cho, mà cho những vật dùng chẳng đặt ? như thấy ai chơi vơi dưới sông, mà ta chẳng ra tay cứu vớt, một đêm của ăn cho nó mà thôi, có phải lễ cùng chẳng, thì mọi người đều biết.

201 — H. — Giải này dạy phải thảo kính cha mẹ thôi sao ?

T. — Cũng dạy kính thờ mọi kẻ bề trên nữa, như vua chúa quan quyền, chủ nhà, cùng thầy dạy dỗ, và những kẻ già nua tuổi tác.

202 — H. — Đứng bề trên dạy làm đều gì nghịch cùng đạo thánh, có nên làm chăng ?

T. — Chẳng nên, vì phải kính chuộng một Đ. C. T. trên hết mọi sự.

203 — H. — Cha mẹ hay là chủ nhà phải làm những điều gì cho con cái tôi tớ ?

T. — Phải làm bốn sự này : một là dạy dỗ ; hai là sửa phạt ; ba là làm gương tốt ; bốn là dưỡng nuôi.

GIẢI THỨ NĂM.

204 — H. — Giải thứ năm cấm những điều gì ?

T. — Cấm lấy ý riêng mà giết mình, hay là kẻ khác.

205 — H. — Giải này cấm bấy nhiêu mà thôi sao ?

T. — Cũng cấm ghen ghét, bỏ vạ, cáo gian, khinh dễ, hờn giận, báo thù, nhiẹc nhóc, trù ẻo, cùng muốn hay là làm đều gì thiệt hại người ta.

206 — H. — Còn cấm đều gì nữa chẳng ?

T. — Còn cấm làm gương xấu cho kẻ khác theo đòi, hay là xui giục làm thiệt hại người ta,

207 — H. — Kẻ đã phao vu, hay là chuối rửa, làm nhơ danh xấu tiếng người ta phải làm thế nào ?

T. — Phải phạt tạ, cùng trả tiếng tốt cho người ta ; lại bằng có tiện, thì phải xưng ngay ra rằng : mình đã vu oan dối trá.

GIẢI THỨ SÁU, CÙNG THỨ CHÍN.

208 — H. — Hai giải này cấm những sự gì ?

T. — Cấm tưởng, nói rằng làm đều gì dâm dục.

209 — H. — Tưởng mà phạm tội, là làm sao ?

T. — Là khi có ý tưởng nhớ, cùng ước ao đều gì dơ dáy.

110 — H. — Nói mà phạm tội, là đi gì ?

T. — Là khi có ý muốn nói, hay là nghe lời gì tục tĩu, cùng ám hiệu ý tà.

111 — H. — Làm mà phạm tội, là thể nào ?

T. — Là khi có ý trái mà nhìn xem, cùng đã đến những chỗ dơ dáy mình, hay là kẻ khác.

212 — H. — Khi lâm phải cám dỗ về đều này, phải làm thể nào ?

T. — Tức thì phải bỏ đi, mà cầu xin cùng Chúa phù hộ, lại trốn lánh những cách thể làm cho ta phạm tội.

213 — H. — Những cách thể nào quen làm cho ta phạm tội ấy ?

T. — Có bảy cách này : ở không nhưng là một ; kết bạn cùng đoàn trác nết là hai ; coi sách hoa tình là ba ; đến áng bội bè là bốn ; xem ảnh hình tổ nữ là năm ; trai gái năng lân lú là sáu ; ăn uống sa đà là bảy.

214 — H. — Có cách nào dự phòng cho khỏi tội này chăng ?

T. — Có : một là phải giữ ngũ quan mình cho nhặt, nhứt là khi nói khi xem ; hai là năng xưng tội chịu lẽ ; ba là thú nào theo thú ấy, phải làm việc luôn.

GIẢI THỨ BẢY, CÙNG THỨ MƯỜI.

215 — H. — Hai giải này cấm những điều gì ?

T. — Chẳng những là cấm trộm cướp của người mà thôi, song lại cấm tham lam mơ ước nữa.

216 — H. — Phạm giải này có mấy cách ?

T. — Có ba : một là chẳng theo lẽ công mà lấy ; hai là tài chủ chẳng muốn cho mà hăm cầm lấy ; ba là mọi cách khác làm nát hại của người.

217 — H. — Chẳng theo lẽ công mà lấy, nghĩa là làm sao ?

T. — Là trộm cướp như quân gian đảng ; ăn cắp như đoàn tời tở ; gạt gẫm như con buôn bán ; cho vay ăn lời như loài hà tiện ; hay là dùng mưu kế như đũa gian cáo.

218 — H. — Có mấy cách hãm cầm của người ?

T. — Có bốn : một là chẳng thương của người ; hai là chẳng trả nợ ; ba là chẳng bù công ; bốn là chẳng nộp thuế.

219 — H. — Làm hư nát của người có mấy cách ?

T. — Cũng có bốn : phá cho tan nát là một ; toan luận mà làm hư là hai ; ra sức giúp phá là ba ; kẻ có quyền phép, cùng là việc mình phải giữ, mà chẳng đón ngăn là bốn.

220 — H. — Kẻ chẳng theo lẽ chính lấy cầm của gì ai đã trả của ấy lại mà thôi, có đủ chăng ?

T. — Chẳng đủ ; phải trả những phần thiệt hại nhà ấy đã chịu nữa. Giả như ai đã lấy đồ thợ nào, mà trả đồ ấy lại mà thôi thì chưa đủ : song phải tính bao lâu nhà ấy đã mất đồ làm nghề chẳng đặng, thì phải hoàn công bấy nhiêu ngày nữa.

221 — H. — Kẻ mắc của người mà trả chẳng đặng, thì làm sao ?

T. — Bằng trả nổi thì phải trả tức thì ;

bằng chẳng, thì ít nữa là có lòng muốn trả : bằng chẳng như vậy thì không dặng rồi linh hồn, cũng chẳng dặng chịu phép Giải tội nữa.

222 — H. — Phải trả cho ai ?

T. — Đã lấy của ai thì phải trả cho nấy ; bằng đã lâm chung mạng một, thì phải trả cho con cháu nhà ấy.

223 — H. — Bao giờ thì phải trả ?

T. — Phải trả tức thì.

GIẢI THỨ TÁM.

224 — H. — Giải này cấm những điều gì ?

T. — Cấm ba sự này : một là nói dối ; hai là làm chứng dối ; ba là vô tích có mà nghi sự trái cho người ta.

225 — H. — Nói dối là làm sao ?

T. — Là khi nói dối có ý phỉnh phờ người ta ; bằng không có ý phỉnh phờ, tuy là nói có khi chẳng thật, cũng chẳng gọi là nói dối.

226 — H. — Có khi nào ta nên nói dối chẳng ?

T. — Chẳng nên.

227 — H. — Kể đã làm chứng dối, thì phải làm thế nào ?

T. — Phải xưng ngay ra rằng : mình đã chứng sự chẳng thật ; cùng phải thương những điều thiệt người ta đã chịu vì mình.

228 — H. — Còn cách nào khác phạm giải này nữa chẳng ?

T. — Còn : một là ton lôt kể làm chứng cho dặng nói dối, hay là làm thình đi ; hai là giả bằng giả thị, làm tờ giả, đánh con dấu giả ; ba là yếm cầm đơn trạng kể ngay, chẳng cho thấu đến linh trên, hầu chữa mình cho khỏi nạn.

Hội thánh điều luật đệ thập

nhứt thiên.

229 — H. — Hội thánh nghĩa là gì ?

T. — Nghĩa là các bôn đạo ở khắp thế gian, vâng lời cội lụy đức thánh Pha-pha, là đại phụ thần Hội công.

230 — H. — Hội thánh có mấy lẽ luật ?

T. — Có sáu.

Thứ nhứt xem lễ ngày Chúa nhứt cùng các ngày lễ buộc.

Thứ hai, chớ làm việc xác ngày Chúa nhứt cùng các ngày lễ buộc.

Thứ ba, xưng tội trong một năm ít là một lần.

Thứ bốn, chịu Mình thánh Đ C G. trong mùa Phục sinh.

Thứ năm, giữ chay những ngày Hội thánh buộc.

Thứ sáu, kiêng thịt ngày thứ sáu cùng những ngày khác Hội thánh dạy.

231 — H. — Kẻ chẳng giữ lễ luật Hội thánh có phạm tội chẳng ?

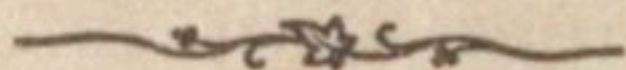
T. — Kẻ giữ đặng, mà cố ý chẳng giữ, thì phạm tội trọng.

232 — H. — Ta có giữ đặng bấy nhiêu điều răn ấy trọn chẳng ?

T. — Nếu không ơn Chúa giúp, thì chẳng đặng.

233 — H. — Phải làm gì cho đặng ơn Chúa ?

T. — Phải năng đọc kinh cầu nguyện.



**Thiên Chúa kinh giải độ
thập nhị thiên.**

234 — H. — Trong các kinh, kinh nào
trọng hơn ?

T. — Kinh LẠY CHA.

Lạy Cha chúng tôi ở trên trời, chúng tôi
nguyện danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến,
vâng ý Cha dưới đất bằng trên trời vậy.

Xin Cha cho chúng tôi rày hằng ngày
dùng đủ, và tha nợ chúng tôi, như chúng
tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi, lại chớ
để chúng tôi sa chước cám dỗ, bèn chữa
chúng tôi cho khỏi sự dữ. Amen.

235 — H. — Ai đặt kinh Lạy Cha ?

T. — Là lời Đ C G phán dạy mười hai
thánh tông đồ mà truyền cho các người
giáo hữu.

246 — H. — Kinh ấy dạy xin những sự
đi gì ?

T. — Dạy xin cùng Đ C T. mọi điều thiết
yếu phần linh hồn và phần xác, nên hôm
mai phải đọc.

237 — H. — *Lạy Cha chúng tôi ở trên
trời* : nghĩa là làm sao ?

T. — Là lạy Đ C T., là Cha chúng tôi ở trên trời.

238 — H. — Ta là vật hèn tội lỗi, sao dám gọi Đ C T. là Cha ?

T. — Vì Đ C T. dạy ta xưng Người là Cha ; lại Người thương ta hơn cha mẹ thương con, nên mới dám xưng Người là Cha.

239 — H. — Làm sao mà biết Đ C T. thương ta hơn cha mẹ thương con ?

T. — Vì Người sinh trời đất muôn vật, che chở dưỡng nuôi ta linh hồn và xác, lại ra đời chuộc tội chịu chết cho ta, cùng xuống nhiều ơn trọng, cho ngày sau được hưởng phúc đời đời.

240 — H — Ta phải làm gì cho đáng làm con Đ C T ?

T. — Phải vâng lời Người truyền dạy, mà giữ mười giới răn cho trọn, chớ nghe lời ma quỷ, mà nghịch mạng Người.

241 — H. — Đ C T. ở khắp mọi nơi, mà rằng : ở trên trời, làm sao ?

T. — Đã hay rằng vậy, song Người muốn cho ta hằng trông phúc trên trời,

chớ mê tội lỗi thế gian, cho nên rằng : ở trên trời.

242 — H. — Trong kinh ấy có mấy lời nguyện ?

T. — Có bảy ; mà ba đều trước, về lòng kính Chúa : còn bốn đều sau, thì xin về phần ta.

243 — H. — Lời thứ nhất : *Chúng tôi nguyện danh Cha cả sáng*, nghĩa là làm sao. ?

T. -- Nghĩa là ta là con Đ C T. thì phải kính Chúa trên hết mọi sự, nên chẳng cầu giàu sang vui sướng thế gian, một lòng cho thiên hạ ngợi khen danh Chúa mà thôi.

244 — H. — Kẻ phạm tội, thật là phá danh Chúa, sao còn dám đọc rằng : nguyện danh Cha cả sáng ?

T — Những kẻ ấy, mà chẳng dốc lòng chừa tội, thì ngôn hành tương phản càng tỏ mình cố ý phạm tội.

245 — H. — Lời thứ hai : *Nước Cha trị đến*, nghĩa là làm sao ?

T — Nghĩa là cầu xin cho các nước

thể gian đều nhìn biết một Đ C T., là đáng chí tôn vô đối, mà vâng theo lệnh Người ; lại xin choặng tới nước thiên đàng, hưởng phước đời đời.

246 — H. — *Lời thứ ba: Vâng ý Cha dưới đất bằng trên trời vậy, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là thiên thần cùng các thánh trên trời hằng vâng theo ý Chúa thế nào, thì ta cũng xin vâng theo như làm vậy.

247 — H. — *Ý Chúa muốn cho ta làm những sự gì ?*

T. — Ý Người muốn cho ta làm mọi sự lành, lánh mọi sự dữ.

248 — H. — *Lời thứ bốn : Xin Cha cho chúng tôi rày hằng ngày dùng đủ, nghĩa là làm sao ?*

T. — Hễ con khi thiếu lương thực, thì xin cùng cha mẹ, mà ta là con Đ C T., nên phải xin lương thực hằng ngày dùng đủ cho phần linh hồn và phần xác.

249 — H. — *Lương thực phần xác là đi gì ?*

T. — Là cơm áo, cùng mọi vật thường dùng.

250 — H. — Có nên cầu giàu sang thế gian chẳng ?

T. — Cầu sự ấy cho dặng kính Chúa yêu người, thì nên ; bằng cầu ý khác mà phạm tội, hại phần linh hồn, thì chẳng nên.

251 — H. — Lương thực linh hồn là đi gì ?

T. — Là ơn Đức Chúa Trời, cùng Minh thánh Đức Chúa Giêsu .

252 — H. — O'n Đức Chúa Trời cùng Minh thánh Đức Chúa Giêsu, sao gọi rằng : lương thực linh hồn ?

T. — Vì như phần xác chẳng có ăn uống, thì phải chết : mà linh hồn, nếu không ơn Chúa, cùng Minh thánh Đ C G., ắt là chẳng hay làm lành, cũng như chết vậy ; nên gọi rằng : lương thực linh hồn.

253 — H. — Xin Cha cho chúng tôi rày, nghĩa là làm sao ?

T. — Là phải hằng ngày hằng xin, chẳng nên trễ nải, bữa có bữa không.

254 — H. — Lời thứ năm : *Và tha nợ chúng tôi như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi*, nghĩa là làm sao ?

T. — Là xin Đ C T. tha tội cho ta như ta tha kẻ có lỗi cùng ta.

255 — H. — Ai đã làm mất lòng ta, mà ta chẳng tha lỗi người ấy, Đ C T. có tha tội ta chẳng ?

T — Đ C T. chẳng tha.

256 — H. Sao gọi tội là nợ ?

T. — Hễ ai đã làm hư của ta, thì phải thưởng lại cho ta, bằng chẳng thưởng, ắt là người ấy còn mắc nợ ta, mà ta lỗi nghĩa cùng Chúa, ấy là ta phá ơn Chúa, thì phải ăn năn lập công đền tội, bằng chẳng đền, cũng mắc nợ Chúa như vậy : cho nên gọi tội là nợ.

257 — H. — Lời thứ sáu : *Lại chớ để chúng tôi sa chước cám dỗ*, nghĩa là làm sao ?

T. — Tà ma, thịt mình, thế tục, là ba thù rất dữ, hằng cám dỗ ta nhiều đàng khéo léo, hoặc dùng phú quý công danh, hoặc dùng bói khoa thuật số, hoặc dối lời lành dữ, hoặc giả kính, giả tượng, đơm tế thờ nó, vọng cầu thế phước, mặc nhưn theo thừa ta muốn ; nên xin Chúa chớ để nó

cám dỗ ta, bằng có đề nó, thì xin Người xuống ơn phù hộ cho ta đừng bèn lòng chống trả, kéo mà lỗi nghĩa cùng Chúa.

258 — H. — Lời thứ bảy : *Bèn chữa chúng tôi cho khỏi sự dữ*, nghĩa là làm sao ?

T. — Là xin khỏi mọi sự hoạn nạn linh hồn và xác.

259 — H. — Hoạn nạn linh hồn là đi gì ?

T. — Là nghe theo ma quỷ, bỏ Chúa mà đi đàng tội lỗi, ngày sau phải khổn đời đời.

260 — H. — Hoạn nạn phần xác là đi gì ?

T. — Là đói khát, gươm dao, tật nguyên tai nạn, cùng những sự khác hại phần xác thịt. Vậy giáo hữu phải cầu xin cho khỏi bấy nhiêu sự ấy, chẳng nữa, thì xin Chúa xuống ơn thần lực mà chịu cho bằng lòng.

261 — H. — *Amen*, nghĩa là làm sao ?

T. — Là lời căn dặn, xin cho đừng bấy nhiêu lời cầu.

**Thánh Mẫu kinh giải độ thập
tam thiên.**

262 — H. — Kinh nào Hội thánh quen
dùng mà cầu cùng Đức Bà ?

T. — Kinh : Kính mừng Maria đầy ơn
phước, Đức Chúa Trời ở cùng Bà, Bà có
phước lạ hơn mọi người nữ, và Giêsu
con lòng Bà gồm phước lạ.

Thánh Maria Đức Mẹ Chúa Trời, cầu
cho chúng tôi là kẻ có tội, khi này và trong
giờ lâm tử. Amen.

263 — H. — Ai đặt kinh Kính mừng ?

T. — Kinh ấy có ba mối : một là lời
Thiên thần mừng thưa Đức Bà, khi truyền
tin cho người chịu thai Con Đ C T. ; hai
là lời bà thánh Y-sa-ve tiếp thấy Đức Bà
mà ngợi khen người ; ba là lời Hội thánh
cầu cùng Đức Bà, mà xin người phù hộ.

264 — H. — Mỗi thứ nhứt là những
đều nào ?

T. — Là *Kính mừng Maria đầy ơn phước
Đ C T. ở cùng Bà.*

265—H. — Kính mừng, nghĩa là làm sao?

T. — Là lời thiên thần Ga-bi-ri-e lay
măng Đức Bà khi truyền tin cho người
chịu thai.

266 — H. — Maria, nghĩa là làm sao ?

T. — Là tên Đức Bà.

267 — H. — Đầy ơn phước, nghĩa là
làm sao ?

T. — Nghĩa là Đức Bà đang ơn Đ C T.
hơn các đấng Thiên thần cùng các người
thánh thấy thấy.

268 — H. — Đức Chúa Trời ở cùng Bà,
nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là loài người ta đều mắc
tội tổ tông, có một Đức Bà chẳng những là
khỏi tội tổ tông, mà lại khỏi mọi tội mình
làm, bằng đẹp lòng Chúa luôn, nên gọi
rằng : Chúa Trời ở cùng Bà.

269 — H. — Mỗi thứ hai : Bà có phước
lạ hơn mọi người nữ, nghĩa là làm sao ?

T. — Là lời bà thánh Y-sa-ve ngợi khen
Đức Bà mà rằng : Trong mọi người nữ
không có một ai khá ví cùng Đức Bà, vì
Đ C T. đã chọn người làm mẹ.

270 — H. — *Và Giêsu con lòng Bà gồm phước lạ, nghĩa là làm sao ?*

T. — Cũng là lời Bà thánh ấy tán tạ không khen Chúa, vì đã giáng sinh trong lòng rất thánh Đức Bà.

271 — H. — *Mỗi thứ ba : Thánh, nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là Đức Bà đã đặt vẹn sạch các giống tội lỗi.

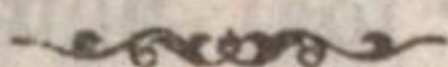
272 — H. — *Cầu cho chúng tôi là kẻ có tội, khi này, nghĩa là làm sao ?*

T. — Là khi ta còn sống ở thế gian, thì ma quỷ, thịt mình, thế tục không giờ khắc nào mà chẳng cám dỗ ta phạm tội mất lòng Đ C T.; cho nên xin Đức Bà cầu cùng Đ C T. xuống ơn cho ta đặt khỏi mọi ràng tội lỗi.

273 — H. — *Trong giờ lâm tử, nghĩa là làm sao ?*

T. — Là bởi khi ta gần chết, thì ma quỷ thấy đã hết giờ hại đặt linh hồn ta, cho nên nó càng ra sức cám dỗ ta khi ấy. Vậy phải xin Mẹ rất khoan nhơn, đã cứu giúp ta khi sống, thì khi ấy lại càng cầu giữ ta hơn nữa.

Amen, nghĩa lý như tiền.



Nghĩa kinh Tin Kính.

274 — H. — Kinh nào dạy ta những sự phải tin ?

T. — Kinh :

Tôi tin kính Đức Chúa Trời, là Cha phép tắc vô cùng dựng nên trời đất. Tôi tin kính Đức Chúa Giêsu Kirixitô là Con một Đức Chúa Cha cùng là Chúa chúng tôi : bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai, sinh bởi bà Maria đồng trinh ; chịu nạn đời quan Phongxiô Philatô, chịu đóng đinh trên cây thánh Giá, chết và táng xác ; xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại ; lên trời, ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng ; ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết.

Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần. Tôi tin có Hội thánh hằng có ở khắp thế này, các thánh thông công. Tôi tin phép

tha tội. Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại ; tôi tin hằng sống vậy. Amen.

275 — H. — Ai đặt kinh Tin kính ?

T. — Các thánh Tông đồ, trước khi phân nhau mà đi khắp thế giảng đạo, đã đồng đặt kinh ấy, làm mười hai điều, dạy các người giáo hữu cho đồng tin nhĩ hà nhưt thể.

276 — H. — Tin, là làm sao ?

T. — Là bởi ơn Chúa mà chịu lấy mọi lễ trong đạo làm thật, vì Đ C T. đã phán những lễ ấy, và Hội thánh truyền cho ta tin, dầu mắt xem không thấy, cũng chẳng dám hồ nghi, ấy gọi là tin, còn các điều trước đã giải tỏ.

277 — H. — Kinh Tin kính là thể nào ?

T. — Kinh Tin kính là kinh các thánh Tông đồ đã truyền mà tóm lại mọi sự ta phải tin.

278 — H. — Trong kinh Tin kính có mấy điều ?

T. — Có mười hai điều.



ĐIỀU THỨ NHỨT.

Tôi tin kính Đ C T. là Cha phép tắc vô cùng dựng nên trời đất.

279 — H. — Tôi tin kính Đ C T., nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là tôi tin vững vàng có một Đ C T. mà thôi, chẳng có lẽ nào mà có nhiều Đ C T. đâu.

280 — H. — Vì sao chẳng nói rằng : tôi tin có Đ C T., mà lại nói rằng : tôi tin kính ?

T. — Vì tin có một Đ C T., thì chưa đủ ; cho nên lại phải xưng rằng : tôi trông cậy, và kính mến Đ C T., cùng dâng mình làm tôi Đ C T. cho đến trọn đời.

281 — H. — Là Cha, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là một Đ C T. có ba ngôi, mà ngôi thứ nhất là Cha.

282 — H. — Vì sao mà gọi ngôi thứ nhất là Cha ?

T. — Vì trước vô cùng ngôi thứ nhất sinh ra ngôi thứ hai là Con.

283 — H. — Phép tắc vô cùng, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là chẳng có sự gì mà Đ C T. làm chẳng dặng.

284 — H. — Đ C Con, và Đ C T. Thần có phép tặc vô cùng bằng Đ C Cha chẳng ?

T. — Đ C Con, và Đ C T. Thần cũng có phép tặc vô cùng bằng Đ C Cha : vì ba ngôi cùng một Đ C T. mà thôi.

285 — H. — Dựng nên trời đất, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là bởi không mà dựng nên mọi sự cho có.

ĐIỀU THỨ HAI.

Tôi tin kính Đức Chúa Giêsu Kirixitô là Con một Đức Chúa Cha, cùng là Chúa chúng tôi.

286 — H. — Đ C G., nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là đấng Cứu thế ; mà Đ C Cha đã đặt danh cực trọng ấy cho Đ C Con, vì chúng Con Đ C T. ra đời cho dặng cứu hết mọi người thế gian.

287 — H. — Kirixitô, nghĩa là làm sao ?

T. — Kirixitô nghĩa là chịu xúc dầu, cùng là danh chung về đấng tiên tri cùng đấng có quờn tế lễ, và đấng làm vua nữa.

288 — H. — Vì sao Kirixitô là danh chung cho ba đẳng ấy ?

T. — Vì chung trong đạo Đ C T. quen xúc dầu khi phong chức cho ba đẳng ấy.

289 — H. — Đ C G. chịu xúc dầu bao giờ, mà gọi Người là Kirixitô ?

T. — Đ C G. chẳng chịu xúc dầu thế gian bởi tay người ta đâu, song le Người chịu xúc dầu thiêng liêng bởi phép Đ C Cha, cùng bởi ơn Đ C T Thần, cho linh hồn Người đặng gồm phước lạ hơn các đẳng Đ C T. sinh ra ; cho nên Người biết mọi sự, cùng đặng quờn tế lễ, và làm vua hằng sống bằng trị đời đời.

290 — H. — Con một Đ C Cha, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là, ngôi thứ hai bởi Đ C Cha mà sinh ra, và có một tính cùng Đ C Cha.

291 — H. — Sao rằng : Con một Đ C Cha ?

T. — Vì có một ngôi thứ hai bởi bốn tính Đ C Cha mà sinh ra.

292 — H. — Sao rằng : là Chúa chúng tôi ?

T. — Đ C G. là Chúa chúng tôi, vì Người chẳng những là đã sinh ra ta, mà lại đã chuộc tội cho ta nữa.

ĐIỀU THỨ BA.

Bồi phép Đ C T Thần mà Người xuống thai, sinh bởi Bà Maria đồng trinh.

293 — H. — Bồi phép Đ C T Thần mà Người xuống thai, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Đ C T Thần đã lấy máu cực sạch trong lòng rất thánh Đức Bà mà dựng nên một xác, bồi không lại dựng nên một linh hồn, thì Ngôi thứ hai liền hiệp với xác và linh hồn ấy mà nên người thật như ta.

294 — H. — Sinh bởi Bà Maria đồng trinh, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là người nữ rất thánh, tên là Maria, đã chịu thai và sinh đẻ con đoạn, người nữ ấy còn đồng trinh sạch sẽ cho đến trọn đời.

ĐIỀU THỨ BỐN.

Chịu nạn đời quan Phongxiô Philatô, chịu đóng đinh trên cây thánh Giá, chết và táng xác.

295 — H. — Chịu nạn đời Phongxiô Philatô, chịu đóng đinh trên cây thánh Giá, chết và táng xác, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Đ C G. chịu trời, chịu giỗ, chịu vạ, chịu đòn, đội mũ gai, cùng chịu đóng đinh trên cây thánh Giá, đời quan Philatô chặn giữ xứ Giuđêa thay vì vua Rôma.

296 — H. — Thánh Giá là đi gì ?

T. — Thánh Giá là hình phạt rất hèn. Vậy Đ C G. càng hạ mình xuống mà chịu hình phạt rất hèn dường ấy vì ta, thì ta càng phải ra sức đội ơn kính mến Người hơn nữa.

297 — H. — Chết, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là linh hồn Người đã lìa ra khỏi xác như khi mọi người chết vậy ; nhưng mà tính Đ C T. còn ở cùng xác và linh hồn Đ C G. chẳng lìa khỏi đâu.

298 — H. — Táng xác, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Đ C G. chết đoạn, thì môn đệ lãnh lấy xác Người mà táng trong huyết đá mới,

ĐIỀU THỨ NĂM

Xuống ngục tổ tông ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại.

299 — H. — Xuống ngục tổ tông, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là linh hồn Đ C G. là khỏi xác đoạn, liền xuống nơi linh hồn các thánh phải giam cầm dưới đất nầy, mà đợi trông Đ C G. rước lên Thiên đàng.

300 — H. — Vì lẽ nào nên linh hồn các thánh phải giam cầm mà đợi trông làm vậy ?

T. — Vì chưng từ ông Adong phạm tội, thì cửa Thiên đàng đóng lại, nếu chẳng có công nghiệp Chúa Cứu thế, thì chẳng aiặng lên Thiên đàng.

301 — H. — Ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Đ C G. chết đoạn, ngày thứ ba linh hồn và xác Đ C G. lại hiệp cùng nhau mà sống lại, ra khỏi huyết đá tốt lành sáng láng.

ĐIỀU THỨ SÁU.

*Lên trời ngự bên hữu Đ C Cha phép tắc
vô cùng.*

302 — H. — Lên trời, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Đ C G. sống lại đoạn,
khỏi bốn mươi ngày, thì Đ C G. lấy phép
riêng Người mà lên trời.

303 — H. — Ngự bên hữu Đ C Cha phép
tắc vô cùng, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là Đ C G. về tính Đ C T. thì
cũng một quyền một phép cùng Đ C Cha ;
mà về tính người ta, thì Người sang trọng
phép tắc hơn các đấng, và các loài Đ C T.
đã sinh ra.

ĐIỀU THỨ BẢY.

*Ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ
sống và kẻ chết.*

304 — H. — Ngày sau bởi trời lại xuống
phán xét kẻ sống và kẻ chết, nghĩa là làm
sao ?

T. — Nghĩa là ngày tận thế Đ C G. ở trên
trời sẽ ngự xuống oai nghi sáng láng mà

phán xét, chẳng những là kẻ chết đã lâu, mà lại phán xét kẻ còn sống khi Người hiện xuống. Vì kẻ ấy cũng phải chết, đoạn sống lại tức thì mà chịu phán xét nữa.

ĐIỀU THỨ TÁM.

Tôi tin kính Đ C T Thần.

305 — H. — Tôi tin kính Đ C T Thần, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần là Ngôi thứ ba, bởi Đ C Cha và Đ C Con mà ra, cũng một tính một phép cùng hai Ngôi cực trọng ấy nữa.

306 — H. — Thần, nghĩa là làm sao ?

T. — Thần, nghĩa là tính thiêng liêng.

307 — H. — Ba Ngôi cũng là một tính thiêng liêng, cũng là một đấng rất thánh, sao mà đặt Thánh Thần cho một Ngôi thứ ba mà thôi ?

T. — Vì Ngôi thứ nhất đã có tên riêng, là Cha, và Ngôi thứ hai đã có tên riêng là Con ; cho nên dùng tên chung là Thánh Thần, mà đặt cho Ngôi thứ ba.

ĐIỀU THỨ CHÍN.

Tôi tin có Hội thánh hằng có ở khắp thế này, các thánh thông công.

308 — H. — Hội, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là các bốn đạo đều hiệp cùng nhau, mà chịu lụy đáng chính quờn thay mặt Đ C G.

309 — H. — Các bốn đạo đều hiệp làm một cùng nhau là thế nào ?

T. — Các bốn đạo đều hiệp làm một cùng nhau, vì bốn lẽ này : một là các bốn đạo đều tin như nhau ; hai là dùng những phép mầu nhiệm Bí tích cũng như nhau ; ba là cầu nguyện chung cho nhau ; bốn là đều chịu lụy Đức Giáo tông, là đáng thay mặt Đ C G.

310 — H. — Nếu vậy các bốn đạo mọi nơi về một Hội sao ?

T. — Phải, vì có một Hội mà thôi.

311 — H. — Vì sao gọi là Hội thánh ?

T. — Gọi là Hội thánh, vì ba lẽ này : một là vì đáng làm đầu Hội thánh, là Đ C G., là mạch mọi sự thánh ; hai là vì lời

giảng dạy cùng những phép Hội thánh dùng là sự thánh ; ba là vì kẻ hiệp cùng Hội thánh thì mới đặng nên thánh mà thôi.

312 — H. — Hằng có ở khắp thế này, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là ở khắp mọi nơi, hằng có mọi đời.

313 — H. — Vì sao rằng : Hội thánh ở khắp thế này ?

T. — Vì chung khắp bốn phương thiên hạ đều có giữ đạo Đ C T.

314 — H. — Sao rằng : Hội thánh hằng có mọi đời.

T. — Vì chẳng có đời nào, mà chẳng có kẻ thờ phượng Đ C T.

315 — H. — Các thánh thông công, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là các thánh ở trên trời, cùng các linh hồn ở lửa luyện ngục, và các bầy đạo dưới đất, đều thông công cùng nhau.

316 — H. — Các bầy đạo ở dưới đất thông công cùng các thánh trên trời là thế nào ?

T. — Các bổn đạo kính thờ, cầu xin cùng các thánh ở trên trời, mà các thánh bầu chữa cho bổn đạo trước mặt Đ C T.

317 — H. — Các bổn đạo thông công cùng các linh hồn nơi lửa luyện ngục là thể nào ?

T. — Các bổn đạo dâng việc lành phước đức, cầu cho linh hồn ở lửa luyện ngục : mà các linh hồn ấy khi đã đăng lên thiên đàng, thì cũng bầu chữa cho các bổn đạo nữa.

318 — H. — Các bổn đạo còn ở thế gian này thông công cùng nhau là thể nào ?

T. — Các bổn đạo có lòng kính mến Đ C T. cùng thương yêu nhau, thì chẳng những lập công cho mình song lại làm ích cho kẻ khác nữa.

319 — H. — Kẻ mắc tội trọng có đăng thông công thể ấy chăng ?

T. — Những kẻ ấy đã mất nghĩa cùng Đ C T., thì chẳng đăng thông công thể ấy đâu ; song kẻ ấy còn thuộc về Hội thánh, thì cậy nhờ việc lành người nơn đức, cho đăng ăn năn trở lại cùng Đ C T..

ĐIỀU THỨ MƯỜI.

Tôi tin phép tha tội.

320 — H. — Tôi tin phép tha tội, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là tôi tin trong Hội thánh có nhiều phép Đ C G. đã lập đề mà tha tội cho ta.

ĐIỀU THỨ MƯỜI MỘT.

Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại.

321 — H. — Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là bao nhiêu người đã chết từ tạo thiên lập địa cho đến tận thế, đều sống lại cùng một xác cũ mình, mà chịu phán xét.

ĐIỀU THỨ MƯỜI HAI.

Tôi tin hằng sống vậy.

322 — H. — Tôi tin hằng sống vậy, nghĩa là làm sao ?

T. — Nghĩa là loài người ta khi sống lại đoạn, thì linh hồn và xác kẻ lành lên Thiên đàng, hưởng phước thanh nhàn

vui vẻ vô cùng ; còn linh hồn và xác kẻ dữ sa xuống hoả ngục, chịu phạt khổ nạn đời đời kiếp kiếp.



Điều dạy về phép Thêm sức.

323 — H. — Phép Thêm sức là gì ?

T. — Là phép Đ C G. để truyền, cho ta đặt chịu Đ C T Thần, cùng đặt đầy đầy mọi ơn người cho mạnh đạo.

324 — H. — Sao rằng : cho đặt chịu Đức Chúa Thánh Thần ?

T. — Vì kẻ chịu phép ấy nên, thì đặt Đ C T Thần xuống trong lòng như các thánh Tông đồ xưa.

325 — H. — Vậy thì khi chịu phép Rửa tội, ta chẳng đặt chịu Đ C T Thần sao ?

T. — Thật thì đã đặt, nhưng mà chưa đặt đầy đầy mọi ơn Người.

326 — H. — Sao rằng : đặt đầy đầy mọi ơn Người ?

T. — Vì kẻ chịu phép ấy nên, thì đặt đầy đầy bảy ơn trọng này, gọi là bảy ơn Đ C T Thần.

327 — H. — Ôn thứ nhất là làm sao ?

T. — Ôn thứ nhất, là sự khôn ngoan, làm cho ta bỏ mọi sự thế gian, mà yêu mến một Đ C Trời, cùng mọi sự đẹp ý Người.

328 — H. — Ôn thứ hai là làm sao ?

T. — Ôn thứ hai, là sự thông minh sáng láng, làm cho ta hiểu thấu lẽ mẫu nhiệm đạo thánh Chúa.

329 — H. — Ôn thứ ba là làm sao ?

T. — Ôn thứ ba là biết lo liệu, chọn sự lành mà lánh sự dữ.

330 — H. — Ôn thứ bốn là làm sao ?

T. — Ôn thứ bốn, là sức mạnh, chẳng nề chịu mọi sự khó cho dặng rồi linh hồn.

331 — H. — Ôn thứ năm là làm sao ?

T. — Ôn thứ năm là hay suy biết, mà dùng sự đời này cho nên kéo lạc đàng lên Thiên đàng.

332 — H. — Ôn thứ sáu là làm sao ?

T. — Ôn thứ sáu, là sự nhơn đức, làm cho ta húng vui ái mộ thờ phượng Chúa.

333 — H. — Ôn thứ bảy là làm sao ?

T. — Ôn thứ bảy là sự kính sợ Đức

Chúa Trời, làm cho ta lánh mọi sự mất lòng Chúa.

334 — H. — Sao rằng : cho mạnh đạo ?

T. — Vì phép ấy làm cho dặng lòng vững vàng, mà xưng đạo thánh Chúa ra trước mặt thiên hạ : cho nên thà chịu chết, chẳng thà bỏ đạo.

335 — H. — Kẻ chẳng chịu phép Thêm sức, có dặng rồi linh hồn chẳng ?

T. — Dặng ; song kẻ khinh, hay là làm biếng chẳng muốn chịu, thì phạm tội ; lại mất những ơn trọng bởi phép ấy mà ra.

336 — H. — Nên chịu phép này nhiều lần chẳng ?

T. — Chẳng nên, phải chịu một lần mà thôi, vì phép ấy đã in một dấu thiêng liêng vào linh hồn chẳng hay mất.

337 — H. — Ai dặng quờn làm phép này ?

T. — Thường các đấng Giám mục dặng làm phép ấy mà thôi. Song cũng có khi Đức Giáo tông ban phép cho các đấng Giám mục ở trong các nước ngoại đạo, khi có thể ngặt dặng cho Linh mục làm phép ấy thay vì mình.

338 — H. — Khi làm phép ấy, người làm những lễ phép nào ?

T. — Người làm bốn sự này : một là đọc lời cầu nguyện ; hai là giơ tay trên đầu : ba là lấy dầu thánh pha thuốc thơm tho, mà xức hình thánh Giá trên trán ; bốn là vả mặt kẻ chịu phép ấy.

339 — H. — Vì ý nào đứ : Giám mục đọc lời cầu nguyện ?

T. — Có ý cầu xin Đ C T T. xuống trong lòng kẻ chịu phép Thêm sức.

340 — H. — Vì ý nào người giơ tay trên đầu ?

T. — Có ý cho ta đặng biết Đ C T T. thật ngự đến ở trong lòng kẻ chịu phép ấy.

341 — H. — Vì ý nào người lấy dầu thánh pha thuốc thơm tho mà xức hình thánh Giá trên trán ?

T. — Thứ nhất : vơn dầu hay làm cho sự cứng rá mềm, và hay thấm ra ; vậ dầu ấy chỉ phép Thêm sức hay làm cho kẻ cứng cỏi ra mềm mại dịu dàng, và vui lòng chịu mọi sự khốn khó ; lại dầu hay

thấm ra, là chỉ ơn Đ C T T. xuống đầy
đầy trong lòng kẻ chịu phép ấy. Thứ hai,
thuốc thơm tho : là chỉ kẻ chịu phép ấy,
thì phải làm mọi gương phước đức, cho
thơm danh đạo Chúa. Thứ ba, xúc trên
trán : nghĩa là kẻ chịu phép ấy chẳng nên
hỗ người xưng đạo thánh Chúa Kirixitô.
Thứ bốn, xúc hình thánh Giá : cho ta
đặng biết mọi ơn lành kẻ chịu phép ấy
đã đặng, thì đều bởi rất thánh Giá cùng
sự thương khó Đ C G. mà ra.

342 — H. — Vì ý nào đức Giám mục vả
mặt kẻ chịu phép ấy mà rằng : bình an
cho con ?

T. — Nghĩa là kẻ có đạo hằng phải sẵn
lòng, mà chịu mọi sự xấu hổ cùng sự
khốn khó vì Chúa Kirixitô, thì mới đặng
bình an.

343 — H. — Ai muốn chịu phép này
cho nên, phải làm thế nào ?

T. — Phải dọn linh hồn và xác.

344 — H. — Dọn linh hồn là làm sao ?

T. — Một là thuộc biết những sự chính
phải tin trong đạo thánh, cùng những ích

bởi phép ấy mà ra ; hai là phải ở nơi thanh vắng, và có lòng tin cậy, kính mến, khiêm nhượng, ước trông Đ C T T. hiện xuống như các thánh Tông đồ xưa ; ba là phải cho sạch mọi tội, ít nữa là sạch các tội trọng.

345 — H. — Ai còn mắc tội trọng, mà chịu phép này có phạm tội chăng ?

T. — Phạm tội rất trọng, vì là phạm sự thánh.

346 — H. — Vậy, thì ai còn mắc tội trọng, mà muốn chịu phép này, phải làm thế nào ?

T. — Phải ăn năn cùng xưng tội nên.

347 — H. — Dọn xác là làm sao ?

T. — Là phải ăn mặc sạch sẽ, nết na, tề chỉnh và lòng tôn kính khiêm nhượng qui gối trước mặt đức Giám mục mà chịu phép ấy.

348 — H. — Khi chịu phép Thêm sức đoạn, phải làm thế nào ?

T. — Phải lui ra nơi vắng vẻ trong nhà thờ, qui gối mà đợi đức Giám mục làm cho hoàn tất các lễ phép, cùng đọc mọi

lời nguyện, và khi ấy phải làm bốn sự này : một là cảm ơn Đ C Trời vì phước trọng mình mới chịu ; hai là phải phú dâng mình cho Đ C T Thần mà xin Người phù hộ, choặng theo ý Người mọi đàng, cùng làm những việc lành cho sáng danh Người ; ba là dốc lòng từ này về sau giữ đạo Chúa cho trọn, chẳng còn sợ người thế gian cười chê nhạo báng, cùng vua chúa quan quyền bắt bớ, sát phạt lưu giam ; bốn là phải cầu xin cùng Đ C T Thần bằng ngự trị lòng ta luôn, choặng giữ những ơn trọng ấy cho đến trọn đời.

349 — H. — Giữ những ơn trọng đã đặng khi chịu phép Thêm sức, có phải là sự cần kíp chăng ?

T. — Thật là sự rất cần kíp, vì ba lẽ này : 1 là, vì những ơn ấy là của rất trọng vọng châu báu trên hết mọi sự ; 2 là, khi đã mất những ơn trọng ấy mà muốn cho đặng lại thì rất khó ; 3 là, vì cả và đời ta đặng chịu phép Thêm sức một lần mà thôi.

350 — H. — Vậy thì phải làm thế nào cho đặng giữ những ơn trọng ấy.

T. — Phải làm ba sự này : thứ nhất, phải nài xin Đ C T Thần gìn giữ những ơn trọng ấy trong lòng ta ; thứ hai, hằng năm đến ngày mình đã chịu phép Thêm sức, thì phải làm một hai việc lành phước đức mà cảm ơn Đ C Trời ; thứ ba, phải lánh những tội nghịch cùng ơn phép Thêm sức.

351 — H. — Tội nghịch cùng ơn phép Thêm sức là những tội nào ?

T. — Là bốn giống tội này : một là, khi nói đến sự mầu nhiệm trong đạo thánh Chúa mà chẳng có lòng cung kính, hay là nghe kẻ khác nói thể ấy, mà chẳng ngăn can ; hai là, hồ người làm việc lành, cho nên bỏ qua, hay là làm chùng lén ; ba là, bỏ chính việc phải làm, vì sợ hoặc có sự gì thiệt hại đến mình chẳng ; bốn là, làm cách nọ thế kia, kéo người ta biết mình có đạo. Thật những kẻ ấy chớ trông đến ngày phán xét Chúa nhìn lại nó, vì có lời Người phán rằng : « Kẻ nào hồ người Tao trước mặt thiên hạ, thì Tao sẽ hồ người nó trước mặt Cha Tao mà chớ. »



Điều dạy về phép Giải tội.

352 — H. — Phép Giải tội có mấy phần ?

T. — Có năm phần : thứ nhất xét mình ; thứ hai ăn năn tội ; thứ ba dốc lòng chữa tội ; thứ bốn cáo mình xưng tội cùng thầy ; thứ năm vâng lời thầy dạy mà đền tội mình cho đủ.

353 — H. — Xét mình là làm sao ?

T. — Là suy đi xét lại cho tường tận mọi tội ta đã phạm trong mười giải răn Đ C T. mỗi tội đã mấy lần.

354 — H. — Ăn năn tội là làm sao ?

T. — Là lo buồn sợ hãi trên hết mọi sự lo, vì đã làm mất lòng Chúa.

355 — H. — Dốc lòng chữa là làm sao ?

T. — Là từ nay về sau thà chịu chết, chẳng thà phạm tội nữa.

356 — H. — Xưng tội là làm sao ?

T. — Là bao nhiêu tội trọng ta đã phạm, thì phải xưng ra cùng thầy cho hết chẳng nên giấu bớt một tội trọng nào.

357 — H. — Đền tội là làm sao ?

T. — Là những sự thấy giải tội dạy, thì phải vâng làm cho đủ.

358 — —. — Có mấy cách đền tội ?

T. — Có ba : một là đọc kinh lần hột ; hai là ăn chay, hãm mình ; ba là thí của cho kẻ khó khăn phần xác cùng phần linh hồn.

359 — H. — Kẻ đi xưng tội mà chẳng có làm năm sự ấy, có đặng ích gì chẳng ?

T. — Chẳng những là vô ích, mà lại phạm tội rất trọng, vì là phạm sự thánh.

360 — H. — Muốn xưng tội cho nên, thì phải làm thế nào ?

T. — Trước hết, phải kiếm nơi vắng vẻ mà quì gối, đoạn lấy dấu thánh Giá trên mình, mà cầu xin cùng Đ C T. ba ngôi phù hộ, soi lòng cho đặng xét mình cho nên.

361 — H. — Có phải cầu cùng Đức Bà chẳng ?

T. — Phải cầu cùng Đức Bà rất khoan ơn, xin cùng Đ C T. soi sáng cho đặng nhớ lại mọi tội đã phạm mà xưng tội cho nên.

362 — H. — Phải cầu cùng Thiên thần giữ mình chẳng

T. — Phải cầu cùng người luôn, nhứt là khi dọn mình mà đi xưng tội ; khi ấy ma quỷ làm hết sức cho đặng ngăn đón lòng ta, kéo xét hết mọi tội lỗi ta làm, hầu tỏ cáo mình ta cùng thầy mà đặng sạch tội, hoá nên con Đ C T., khỏi làm tội tá nó, mà nó phải hổ người.

363 — H. — Phải cầu cùng thánh bốn mạng ta chẳng ?

T. — Cũng phải cầu cùng thánh bốn mạng ta, vì khi người còn ở thế gian, đã làm mọi việc phước đức, nên nay người ở trên trời, thì xin cùng người cầu nguyện cho ta đặng theo chơn người cho trọn, và xét mình mà xưng tội cho nên.

364 — H. — Khi cầu làm vậy, thì phải đọc những kinh gì ?

T. — Trước hết, phải đọc kinh Tin, Cây, Kính mến, mà cầu cùng Đ C T. ba ngôi : xin soi sáng cho ta đặng xét biết mọi tội lỗi ta. Lại dâng kính Nữ vương, xin cùng Đức Mẹ cầu thay nguyện giúp trước

mặt Đ C T., cho ta xét mình mà xưng tội cho nên. Cùng dâng kinh đức thánh Thiên thần, xin người ngăn cấm ma quỷ, kéo nó làm rối lòng ta, vì nó là loài xấu xa dơ dáy, mà ai mê đảng tội lỗi theo ý nó, thì đẹp lòng nó, Vậy khi toan trở lại cùng Chúa mà dứt bỏ đảng tội lỗi, cùng xét mọi tính nết ta quen phạm tội mất lòng Chúa, mà tỏ cùng thầy, thì nó phải chịu thua ; nên nó ra sức đón ngăn ; khi ấy xin Người bầu chữa cho ta dâng xét mình kỷ lưỡng. Sau hết, lại dâng một kinh Lạy Cha, một kinh Kính mừng, xin cùng thánh bổn mạng mình, vì người, khi còn ở thế gian, đã xưng tội chịu lễ nên, nay Chúa thưởng công người cho ở trên trời cùng Chúa ; vậy xin người cầu giúp cho ta dâng bắt chước người, mà xưng tội cho nên, hầu ngày sau dâng thấy người trên trời.

365 — H. — Khi đã làm bấy nhiều điều đoạn, thì phải làm thế nào ?

T. — Phải ngồi xuống mà xét mình.

366 — H. — Lấy kinh nào mà xét ?

T. — Trước hết phải lấy kinh mười giải răn Đ C T. mà xét.

367 — H. — Phải xét làm sao ?

T. — Là đọc hết một câu, thì phải nín lặng một giây, mà xét coi thử, từ ta xưng tội cho đến rày : đi chốn nào ; ở cùng ai ; làm nghề nghiệp gì ; cùng mê tính xấu gì quen làm cho ta phạm tội, thì phải xét cho cẩn thận.

368 — H. — Như kẻ lâu năm không xưng tội, xét mình thế nào ?

T. — Bằng xét mình hằng từ xưng tội lần sau hết đến rày, thì cũng nên. Bằng chẳng, thì phải xét trong một năm ; mình đã ăn ở thế nào ; lại đi buôn bán xứ nào, hay là làm ruộng nương, ở chốn quê mùa, hay là chợ búa, thì phải xét trong một năm ấy cho thật mà định ; các năm khác cũng xét như vậy.

369 — H. — Ai xưng tội mà giấu tội, hay là nói không hết lẽ, thì làm sao ?

T. — Những kẻ ấy phải xét lại, từ xưng tội lần sau hết cho đến rày mà xưng ra cho thật thì mới khỏi.

370 — H. — Đã xưng tội cùng đã rước lễ, mà còn xưng lại các tội làm chi? nói ra tội giầu chẳng đủ sao?

T. — Chẳng đủ; đã hay rằng: đã xưng cùng dâng rước lễ mặc lòng, song bởi vì giấu tội, cùng chịu phép thánh Thể chẳng nên, thì cũng phạm sự thánh, nên khi đi xưng tội, trước phải xưng tội phạm sự thánh đã mấy lần, lại phải xét mọi tội đã xưng phen ấy mới nên.

371 — H. — Xét theo kinh mười giải có đủ chẳng?

T. — Chẳng đủ, cũng phải xét sáu sự răn Hội thánh nữa.

372 — H. — Vì sao mà chưa đủ?

T. — Giả như trong quốc pháp vua chúa phán dạy đều gì, thì thứ dân phải cứ; song cũng phải vâng cứ lời cha mẹ, khi người dạy những đều phải lẽ, mới gọi là kẻ tận trung tận hiếu; bằng kẻ nào vâng lệnh vua chúa mà bỏ cha mẹ, thì phạm tội bất hiếu bất trung. Vậy Đ C T. là vua trên hết các vua, đã ra lẽ luật là mười sự răn, thì ta phải xét đã giữ trọn cùng Chúa

chăng. Mà Hội thánh là mẹ ta, muốn cho ta thuận thừa ý người mà giữ sáu điều răn cho trọn nữa, nên cũng phải xét ta đã vâng giữ hay chẳng.

373 — H. — Còn lấy kinh nào mà xét nữa chẳng ?

T. — Phải xét theo bảy mối tội đầu nữa.

374 — H. — Xét mình rồi đoạn phải làm đi gì ?

T. — Phải ăn năn tội.

375 — H. — Phải ăn năn tội làm sao ?

T. — Trước hết phải cầu cùng Đ C T. Thần soi sáng giục lòng ta ăn năn tội cho nên, đoạn đọc kinh này :

Lạy Chúa, Chúa đã sinh ra trời đất, che chở tôi, cùng muôn vật trong thế gian này mà dưỡng nuôi tôi cho sống ; mà tôi xưa nay đã dùng những vật ấy mà làm nghịch cùng Chúa ; vậy tôi bây giờ có lòng xót xa cùng đau đớn lắm, vì tôi là vật rất hèn Chúa sinh dưới đất. Xưa vốn tôi là không, mà Chúa đã sinh cho có, cùng cho tôi có trí khôn ngoan, cho đặt suy tưởng công ơn nghĩa Chúa ; mà tôi xưa

nay những lấy trí mà lo tưởng những sự mất lòng Chúa : con mắt tôi xem những sự chẳng nên, tôi dùng lỗ tai nghe những điều quấy, miệng lưỡi tôi nói những lời tục tĩu hoa tình, cùng lời vô nhơn bạc ngãi, chơn tay cùng cả và mình tôi cũng vậy, đều làm những việc gian tà hết : mà Cha rất nhơn từ chẳng nổi chấp tôi, hãy còn dưỡng tôi để sống đến rày, cho đặng gặp Cha mà trở lại cùng Chúa. Tôi cậy vì công nghiệp Đức Chúa Giêsu bởi tội lỗi tôi, nên đã chịu chết vì tôi, xin tha tội cho tôi. Amen.

Kinh Dốc lòng chừa.

Lạy Chúa tôi, bây giờ tôi biết thật tỏ tường tội lỗi tôi đã làm mất lòng Chúa lắm, mà lại nhiều hơn cát biển, mà Chúa rất nhơn từ chẳng chấp tôi, hãy còn chờ tôi trở lại mà tha tội cho tôi, mà tôi hãy còn bạc ngãi cùng Chúa dường ấy. Kìa vật rất hèn là con chó, mà hễ ai cho nó một chút xương không, nó còn biết ơn chẳng khuất, mà tôi xưa nay đã chịu

những ơn Chúa xuống cho tôi rất trọng, mà tôi hãy còn bạc ngãi đường ấy, thật thì chẳng bằng loài vật, vì chẳng đoái đến công sinh thành cứu chuộc Chúa, tôi xưa nay một sắp cật trở lưng cho Chúa. Vậy bây giờ tôi suy lại những công ơn, cùng chết vì tôi, thì tôi chẳng dám làm điều gì mất lòng Người nữa ; tôi dốc lòng từ nay về sau, thà chịu khổn nạn vì Chúa hết lòng cho đến chết, chẳng thà phạm tội gì nữa, dầu trọng dầu hèn cũng vậy. Amen.

376 — H. — Kẻ ăn năn tội cùng dốc lòng chừa ngoài miệng, mà trong lòng lếu láo, có đặng ích chẳng ?

T. — Làm vậy chẳng những là chẳng đặng ích gì, mà thêm mất lòng Chúa lắm, vì tưởng dễ dối Chúa như người thế gian, một xem bề ngoài, mà trong lòng biến cải thể nào, thì không biết đặng ; song chớ làm làm chi, dầu ngoài miệng chẳng nói lời gì, miễn là trong lòng ăn năn thống hối, thì Chúa đã tỏ thấu, chẳng lựa than van, nan trách bề ngoài, thì Chúa mới hay.

377 — H. — Xưng tội cùng thầy là làm sao ?

T. — Là tỏ cáo mọi tội lỗi ta cùng thầy, chớ khá nói quanh, chẳng nên chữa mình rằng : bởi người nọ người kia làm cho tôi mắc phải tội lỗi ; nếu ai chữa mình tránh trút thể ấy, thì phép xưng tội cũng mất công, vì ta đi xưng tội ta chẳng phải đi xưng tội kẻ khác cùng chữa mình đâu.

378 — H. — Khi dọn vào toà Giải tội, thì phải làm thể nào ?

T. — Phải làm ba sự này : trước hết lạy bàn thờ, rồi lạy cha mà rằng : « Lạy cha, con là kẻ có tội, xin cha làm phước giải tội cho con » : đoạn lấy dấu thánh Giá trên mình. Thứ hai cúi đầu xuống, mà đọc kinh Cáo mình xưng tội cho đến lời này rằng : « lòng động, lòng lo, miệng nói, mình làm », còn ba lời : « *lỗi tại tôi. v. v.* » thì để lại sau. Thứ ba quỳ gối lên, ghé miệng lại bên thầy, mà nói lời này : một là xưng tội đã bao lâu nay ; hai là, khi xưng tội lần sau hết, đặt

chịu phép Giải tội hay là chưa ; ba là việc đền tội đã làm rồi hay là chưa.

379 — H. — Có nên đề cho thầy hỏi đều ấy chẳng ?

T. — Bằng chẳng nói, thì thầy phải hỏi, nhưng mà đừng làm nặng lòng thầy làm chi.

380 — H. — Khi nói ba lời ấy đoạn, phải làm đều gì nữa chẳng ?

T. — Ví bằng thầy có hỏi sự gì, thì thưa ; bằng chẳng thì xưng tội.

381 — H. — Xưng tội là làm sao ?

T. — Là phải nói cho rõ ràng mọi điều ta đã xét trong mười giải răn ĐCT., cùng sáu điều răn Hội thánh, và bảy mối tội đầu, thì phải xưng cho hết ; chớ khá nói quanh, chẳng nên chữa mình hay là giấu tội, vì ta đi xưng tội, chẳng phải tới cho đặng chữa mình, cùng giấu tội đâu.

382 — H. — Kẻ có ý giấu một tội trọng mà thôi, có phạm tội chẳng ?

T. — Chẳng những là phạm tội trọng, vì là phạm sự thánh, mà lại các tội khác đã xưng, cũng chẳng khỏi nữa.

383 — H. — Vậy thì phải làm thế nào cho đặng khỏi tội ?

T. — Phải khẩu tâm như nhứt, trong lòng đã xét làm sao, thì ngoài miệng phải xưng ngay như vậy.

384 — H. — Khi xưng các tội đoạn, thì phải nói thế nào ?

T. — Phải nói rằng : lạy cha, con cáo mình con về những tội nầy cùng các tội khác, tội quên, tội sót, phạm trót đời con, xin Chúa thứ tha, ví bằng có đẹp lòng cha, xin cha làm phước giải tội cho con.

385 — H. — Nói lời ấy đoạn, phải làm đi gì ?

T. — Phải cúi xuống mà đọc kinh Cáo mình từ ba lời : « *lỗi tại tôi v. v.* » cho đến hết ; rồi quì lên mà nghe lời thầy dạy răn an ủi, cùng chỉ việc đền tội, và đặng rước lễ hay là chẳng, thì phải nghe tỏ rõ.

386 — H. — Khi nghe chẳng thật, có nên thưa lại chẳng ?

T. — Bằng chẳng thưa lại cho biết, mà vâng cứ, thì kẻ ấy xưng tội chẳng

nên, vì khinh dễ lời thầy dạy dỗ, thì khốn cho kẻ ấy mà chớ.

387 — H. — Bằng chưa chịu phép Giải tội phen ấy, thì làm sao ?

T. — Phải cam chịu bằng lòng, cùng phải biết ; sau trở lại cùng một cha, thì mọi tội đã xưng, chẳng phải xưng lại làm chi ; song phải xưng tội sót, cùng tội mới mà thôi : bằng trở lại xưng cùng cha khác thì phải xưng lại mọi tội đã xưng cùng cha trước. Như cha trước chưa cho rước lễ, mà đã cho phép Giải tội, thì thôi, chẳng phải xưng các tội phen trước làm chi.

388 — H. — Khi làm mọi điều ấy đoạn, phải làm đi gì ?

T. — Phải cúi đầu xuống cho khiêm nhượng, mà đọc kinh ăn năn tội cho có lòng sốt sắng ; rồi thì lạy cha cùng lạy bàn thờ mà ra.

389 — H. — Khi ra toà Giải tội đoạn, thì phải làm đi gì ?

T. — Phải nhớ lại những sự thầy giải tội dạy, cho dặng giữ mà làm, rồi thì đọc kinh lần hột.

390 — H. — Đọc kinh lần hột khi ấy, thì phải xin sự gì ?

T. — Trước hết phải tạ ơn Đ C T., vì Người còn duông ta sống đến rày, đặng gặp cha mà xưng tội ; cùng xin Người giúp sức cho ta đặng giữ mình sạch sẽ trọn đời, kéo sa phạm tội gì mất lòng Người nữa ; lại phải dâng kinh dâng chuỗi tạ ơn Đức Mẹ, cùng thánh Thiên thần, và thánh hồn mạng mình, vì người gìn giữ cho ta đặng xưng tội, thì người cầu giúp cho ta đặng noi giữ lời Chúa rao truyền, cùng lời thầy dạy răn an ủi, mà chưa bỏ nét xấu cho đến trọn đời.

391 — H. — Đền tội là làm sao ?

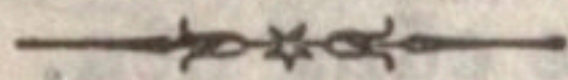
T. — Là những sự thấy giẫy tội đã dạy thẻ rạo, hoặc ăn chay, lần hột đọc kinh bao nhiêu, thì phải giữ bấy nhiêu.

392 — H. — Thầy dạy việc đền tội ít, có nên theo ý riêng mình mà đổi việc khác cho nhiều hơn chẳng ?

T. — Chẳng nên ; phải làm đủ việc người dạy đã ; sau muốn làm việc khác thì cũng nên.

393 — H. — Việc đền tội có nên nói ra cho kẻ khác hay chẳng ?

T. — Vô ích, dầu nói cho kẻ nọ người kia, thì kẻ ấy cũng chẳng đền cho ta phần nào, mà lại trái ý thầy giải tội nữa.



LỜI CẦN KÍP.

Để dạy kẻ ngoại khi gần chết.

T — Có một Đ C T. phép tắc vô cùng, dựng nên trời đất ; mà Người có ba ngôi, ngôi thứ nhất là Cha, ngôi thứ hai là Con, ngôi thứ ba là Thánh Thần, ba ngôi cũng một Chúa mà thôi.

2. — Bởi tội loài người ta, cho nên ngôi thứ hai ra đời làm người, sinh bởi Đức Nữ đồng trinh Maria, đặt tên là Giêsu.

3. — Đ C Giêsu chuộc tội cho thiên hạ, thì Người chịu nạn chịu chết trên cây thánh Giá ; ngày thứ ba Người sống lại, rồi Người ngự về trời.

4. — Linh hồn ta là giống thiêng liêng chẳng hề chết đặng.

5. — Có thiên đàng, là nơi vui vẻ Chúa dành để thưởng kẻ lành. Có hoả ngục, là nơi khổ hình để phạt kẻ dữ đời đời.

6. — Dạy nó bỏ bụt thần ma quỷ cùng giục nó ăn năn đau đớn, chê ghét tội lỗi cùng dốc lòng chữa, và đọc kinh Ăn năn cho nó lặp theo cũng nên.

Dạy cho nó biết, có phép Rửa tội, là phép làm cho ta khỏi tội lỗi, đặng nên con cái Đ C T.

Mỗi câu phải dạy lặp đi lặp lại nhiều lần, như nó chưa chết gấp.

Sau hết, khi thấy nó đã biết, lại muốn chịu phép Rửa tội, thì lấy nước đổ trên đầu và đọc rằng :

Tao rửa mày, nhưn danh Cha, và Con và Thánh Thần.

NĂM SỰ CẦN KÍP.

Ta phải tin cho đặng rồi linh hồn.



Một là, tôi phải tin có một Đức Chúa Trời, mà Người có ba ngôi, ngôi thứ nhất là Cha, ngôi thứ hai là Con, ngôi thứ ba là Thánh Thần ; ba ngôi cũng một Chúa, ba ngôi bằng nhau.

Hai là, tôi phải tin ngôi thứ hai ra đời làm người, có hồn có xác như ta, đặt tên là Giêsu, Người cũng là Đ C T. thật.

Ba là, tôi phải tin Đức Chúa Giêsu đã chịu nạn chịu chết trên cây thánh Giá, mà chuộc tội cho cả và loài người.

Bốn là, tôi phải tin linh hồn người ta là tính thiêng liêng, là giống hằng sống ; chẳng hề chết đặng.

Năm là, tôi phải tin có Thiên đàng, để thưởng kẻ lành ; có hoả ngục, để phạt kẻ dữ đời đời kiếp kiếp.

Tôi tin bấy nhiêu sự ấy, vì Đức Chúa Trời là đấng chơn thật vô cùng chẳng hề dối ai đặng, lại vì Đức Chúa Trời là đấng sáng láng vô cùng, thông biết mọi sự chẳng hề lầm đặng.

CHUNG.



THÀNH GIAO YẾU LÝ.

MỤC LỤC

Thiên Chúa nhứt thể tam vị.	3
Giáng sanh cứu thế.	7
Tử kỳ hữu định.	11
Ngon sanh tội chường.	13
Về ơn nghĩa cùng Chúa.	18
Thánh Bí tích.	22
Thánh Thể.	26
Cáo giải.	30
Cáo minh bổ thực.	34
Chung phú, thần phẩm, hôn phối.	38
Thập giái.	43
Giải thứ nhứt.	44
» » hai	47
» » ba	48
» » bốn.	49
» » năm.	51
» » sáu, cùng thứ chín	52
» » bảy, cùng thứ mười.	54

Giải thứ tám	56
Hội thánh điều luật	57
Thiên Chúa kinh giải	59
Thánh Mẫu kinh giải	66
Nghĩa 12 điều kinh Tin kính	69
Điều dạy về phép Thêm sức	83
Cáo giải nhứt thiên	91
Lời cần kíp	105
Năm sự cần kíp	107



IMPRIMERIE DE QUINHON

15-2-31

